



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10




**TÀI LIỆU
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Hà Nội, năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026

DANH MỤC TÀI LIỆU



TT	Tên tài liệu
1	Chương trình Đại hội.
2	Quy chế tổ chức, hoạt động ĐHĐCĐ thường niên 2026
3	Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2026-2031
4	Tờ trình kế hoạch SXKD năm 2026
5	Tờ trình phê duyệt BCTC 2025 đã kiểm toán (công ty mẹ và hợp nhất).
6	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị
6.1	- BC hoạt động của HĐQT năm 2025, và phương hướng nhiệm vụ năm 2026
6.2	- BC hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026 và phương hướng nhiệm kỳ 2026-2031
7	Báo cáo của Ban kiểm soát
8	Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận 2025;
9	Tờ trình quyết toán thù lao của HĐQT và BKS năm 2025 và kế hoạch thù lao 2026
10	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2026
11	Tờ trình về việc Ủy quyền cho HĐQT phê duyệt các hợp đồng/giao dịch giữa Công ty CP Sông Đà 10 với người có liên quan thuộc thẩm quyền chấp thuận của ĐHĐCĐ
12	Tờ trình Vv Sửa đổi, bổ sung ngành nghề KD và Điều lệ Công ty
13	Tờ trình Vv bầu thành viên HĐQT và thành viên BKS nhiệm kỳ 2026-2031
14	Dự thảo Nghị quyết đại hội
15	Mẫu giấy ủy quyền/Xác nhận tham dự
16	Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết
17	Phiếu bầu thành viên HĐQT và thành viên BKS nhiệm kỳ 2026-2031



CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 10

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

1. Thời gian (dự kiến): **8h00, thứ năm, ngày 04/06/2026.**
2. Địa điểm: tầng 11, khu B, tòa nhà Tổng công ty Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
3. Chương trình Đại hội

TT	Nội dung	Thời gian	Thực hiện
I	Kiểm tra công tác thực hiện đăng ký quyền tham dự Đại hội.	8h00 -:- 8h30'	Ban tổ chức
II	1. Tuyên bố lí do. 2. Mời đoàn chủ tịch là các Thành viên HĐQT đương nhiệm lên điều hành Đại hội.	8h30'	Ban tổ chức
III	Các nội dung trình Đại hội		
1	Thông qua nội dung, chương trình Đại hội.	8h30' - 8h35'	Đoàn Chủ tịch
2	Thông qua Quy chế làm việc, quy chế bầu cử.	8h35' - 8h55'	Đoàn Chủ tịch
3	Chỉ định Ban thư kí; Ban thẩm tra tư cách cổ đông; bầu Ban kiểm phiếu.	8h55' - 9h00'	Đoàn Chủ tịch
4	Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông.	9h00' - 9h05'	Ban thẩm tra tư cách cổ đông
5	Trình bày, thuyết minh các tờ trình, báo cáo:	9h05' - 10h00'	Đoàn Chủ tịch
5.1	Kế hoạch SXKD năm 2026;		Ô. Phương
5.2	Báo cáo tài chính 2025 đã kiểm toán;		Ô. T. Anh
	Báo cáo của Hội đồng quản trị;		Ô. Linh
5.3	- BC hoạt động của HĐQT năm 2025, và phương hướng nhiệm vụ năm 2026 - BC hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026 và phương hướng nhiệm kỳ 2026-2031		
5.4	Báo cáo của Ban kiểm soát;		BKS
5.5	Dự kiến phân phối lợi nhuận 2025;		Ô. T. Anh
5.6	Thù lao HĐQT, BKS;		Ô. T. Anh
5.7	Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2026.		BKS
5.8	Tờ trình Về việc thông qua dự thảo các hợp đồng xây lắp giữa C.ty Sông Đà 10 với người có liên quan thuộc thẩm quyền chấp thuận của ĐHĐCĐ		Ô. T. Phương
5.9	Tờ trình Vv Sửa đổi, bổ sung ngành nghề KD và Điều lệ Công ty		Ô. T. Anh
5.10	Tờ trình về việc bầu thành viên HĐQT và thành viên BKS nhiệm kỳ 2026-2031		Ô. Linh
6	ĐH thảo luận, biểu quyết và bầu các vấn đề đã nêu.	10h00' - 10h30'	Đoàn Chủ tịch
7	Nghỉ giải lao.	10h30' - 11h00'	Đoàn Chủ tịch
8	Thông qua kết quả kiểm phiếu.	11h00' - 11h15'	Ban kiểm phiếu
9	Thông qua Biên bản họp và dự thảo Nghị quyết của Đại hội.	11h15' - 11h30'	Đoàn Chủ tịch và Thư ký
IV	Bế mạc Đại hội.	11h 30ph	Đoàn Chủ tịch

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC - HOẠT ĐỘNG ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Căn cứ:

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP Sông Đà 10;

Căn cứ vào Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty CP Sông Đà 10;

Căn cứ vào Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 10.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, Công ty Cổ phần Sông Đà 10 được tổ chức và thực hiện theo các nội dung dưới đây.

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1: Phạm vi áp dụng

1.1 Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (gọi tắt là “Đại hội”) của Công ty cổ phần Sông Đà 10.

1.2 Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông và các bên tham dự họp Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 2: Đối tượng áp dụng

Cổ đông, người được cổ đông ủy quyền dự Đại hội và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG, NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN VÀ
CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI**

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông hoặc người được ủy quyền

3.1. Điều kiện tham dự Đại hội

Là cổ đông hoặc là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty do Trung tâm lưu ký chứng khoán cấp tại ngày chốt Danh sách cổ đông tham dự Đại hội.

3.2. Quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội

- a. Được tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội bằng văn bản theo mẫu.
- b. Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan;
- c. Được BTC thông báo nội dung, chương trình Đại hội và các tài liệu kèm theo;

d. Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu và các tài liệu khác sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban thẩm tra tư cách cổ đông;

e. Cổ đông, người được ủy quyền đến dự họp muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội ngay sau khi đăng ký đối với các vấn đề chưa biểu quyết, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để họ đăng ký và hiệu lực của của đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

3.3. Nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự Đại hội

a. Cổ đông hoặc người được ủy quyền khi đến tham dự Đại hội phải mang theo các Giấy tờ sau:

- Đối với cổ đông cá nhân: Giấy mời họp, CMND/CCCD/Hộ chiếu (bản gốc) còn thời hạn sử dụng, Giấy ủy quyền (theo mẫu) nếu là người được ủy quyền;

- Đối với cổ đông tổ chức: Giấy mời họp, Bản sao Giấy chứng nhận ĐKDN (có chứng thực hợp lệ), CMND/CCCD/Hộ chiếu (bản gốc) của người đại diện theo pháp luật.

Trường hợp người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội, người được ủy quyền cần mang theo: CMND/CCCD/ Hộ chiếu (bản gốc) còn thời hạn sử dụng của người được ủy quyền; Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (có chứng thực hợp lệ); Giấy ủy quyền (theo mẫu).

b. Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự, không hút thuốc lá trong phòng Đại hội; không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông;

c. Không được ghi âm, ghi hình và truyền thông tin về nội dung cuộc họp ra bên ngoài trước khi có kết luận chính thức của Đại hội;

d. Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tôn trọng sự điều khiển Đại hội của Đoàn chủ tịch;

e. Nghiêm túc chấp hành Quy chế này, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Ban thẩm tra tư cách cổ đông

Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 02 người do Hội đồng quản trị thành lập, có các chức năng nhiệm vụ sau:

4.1 Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp;

4.2 Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự họp: Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu và các tài liệu họp liên quan khác;

4.3 Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch và Thư ký/Ban thư ký Đại hội

5.1 Đoàn Chủ tịch

a. Đoàn Chủ tịch gồm 05 người là các thành viên trong Hội đồng quản trị đương nhiệm. Chủ tịch HĐQT là Chủ tịch Đoàn và là người chủ trì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (Chủ tọa), có các chức năng nhiệm vụ sau:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội thông qua.
Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự;

- Hướng dẫn các cổ đông và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

b. Quyết định của Đoàn Chủ tịch về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

c. Chủ tọa có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

d. Chủ tọa có quyền hoãn Đại hội đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp nếu nhận thấy rằng:

- Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp. - Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

e. Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số.

5.2 Thư ký/Ban thư ký Đại hội

- Thư ký/Ban thư ký của Đại hội gồm 02 người do Chủ tịch đại hội cử, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.

- Thư ký/Ban thư ký Đại hội có nhiệm vụ:

+ Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông/đại diện cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.

+ Dự thảo Nghị quyết Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội (nếu có).

+ Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Đoàn Chủ tịch.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Ban bầu cử và kiểm phiếu

6.1 Ban bầu cử và kiểm phiếu của Đại hội gồm 03 người do Chủ tọa/Đoàn Chủ tịch giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua.

6.2 Ban bầu cử và kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Hướng dẫn thể thức bầu cử và biểu quyết;

- Giám sát việc bầu cử và biểu quyết của các cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội;

- Tiến hành kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu;

6.3 Trưởng Ban bầu cử và kiểm phiếu báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu và kết quả bầu cử.

6.4 Ban kiểm bầu cử và phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã công bố.

CHƯƠNG III

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 7: Điều kiện tiến hành Đại hội

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết theo Danh sách cổ đông của Công ty được lập vào ngày chốt Danh sách cổ đông tham dự Đại Hội.

Điều 8: Thảo luận tại Đại hội

8.1 Nguyên tắc:

- Cổ đông có ý kiến cần trao đổi, làm rõ, đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi chuyển cho Ban thư ký Đại hội để chuyển Đoàn chủ tịch;

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong Chương trình Đại hội.

8.2 Trả lời ý kiến thắc mắc của cổ đông

Đoàn chủ tịch hoặc thành viên do Đoàn chủ tịch chỉ định sẽ giải đáp các ý kiến thắc mắc của cổ đông.

Điều 9: Thẻ biểu quyết, bầu cử và thông qua các quyết định tại Đại hội

Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và phiếu bầu do Công ty in và đóng dấu kiểm soát.

Các nội dung liên quan đến bầu thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2026-2031: Thực hiện theo “Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2026-2031 tại ĐHĐCĐ thường niên 2026”.

Việc biểu quyết tại Đại hội được thực hiện theo các hình thức sau đây:

9.1 Biểu quyết trực tiếp bằng Thẻ biểu quyết

- Việc biểu quyết trực tiếp bằng Thẻ biểu quyết được áp dụng đối với các vấn đề sau:

+ Thông qua nhân sự Ban kiểm phiếu;

+ Thông qua Chương trình Đại hội, Quy chế tổ chức - hoạt động tại Đại hội, Biên bản/Nghị quyết Đại hội;

+ Các vấn đề khác theo quyết định của Đoàn chủ tịch (nếu có).

- Khi tiến hành biểu quyết, theo sự điều hành của Chủ tọa, các cổ đông biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến lần lượt giơ Thẻ biểu quyết lên cao.

- Theo từng lần biểu quyết, thành viên Ban kiểm phiếu sẽ đánh dấu mã số cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông, ghi lại số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến để công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

9.2 Biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu

a. Phiếu biểu quyết được sử dụng để lấy ý kiến biểu quyết đối với các nội dung sau:

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;
- Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị;

- Báo cáo của Ban kiểm soát;
- Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2025;
- Quyết toán thù lao cho HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch thù lao năm 2026;
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2026;
- Tờ trình Về việc thông qua dự thảo các hợp đồng xây lắp giữa C.ty Sông Đà 10 với người có liên quan thuộc thẩm quyền chấp thuận của ĐHĐCĐ
- Sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh và Điều lệ Công ty.
- Bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2026-2031;

b. Cách thức biểu quyết:

Các nội dung biểu quyết ghi trong Phiếu biểu quyết sẽ được cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng việc lựa chọn phương án *tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến* vào từng nội dung cần thông qua (đánh dấu (X) hoặc (V) vào nội dung biểu quyết)

c. Cách thức bỏ phiếu:

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng ban kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu bỏ phiếu tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được niêm phong và những cổ đông không tham gia bỏ phiếu được coi như không có ý kiến.

- Trường hợp cổ đông trong quá trình bỏ phiếu, ghi Phiếu biểu quyết bị nhầm lẫn với điều kiện chưa bỏ vào thùng phiếu và chưa hết thời hạn bỏ phiếu, được quyền trực tiếp gặp Trưởng Ban kiểm phiếu xin đổi lại Phiếu biểu quyết để đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

d. Cách thức kiểm phiếu:

- Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi kết thúc bỏ phiếu.
- Cách thức thực hiện việc kiểm phiếu:
 - + Ban kiểm phiếu làm việc trong 01 phòng/khu vực riêng.
 - + Ban kiểm phiếu được sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử trong việc kiểm phiếu.
 - + Kiểm tra tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết.
 - + Kiểm tra lần lượt từng Phiếu biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu.
 - + Tính toán và loại bỏ số cổ phần của các cổ đông có liên quan không được quyền biểu quyết (nếu có ở từng nội dung cần biểu quyết).
 - + Niêm phong toàn bộ Phiếu biểu quyết, bàn giao lại cho Chủ tọa.
- Các Phiếu biểu quyết không hợp lệ:
 - + Phiếu không theo mẫu do Ban tổ chức phát ra hoặc không có dấu của Công ty;
 - + Phiếu bị rách, tẩy xóa, sửa chữa;
 - + Phiếu ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu;
 - + Phiếu có ghi nhiều ý kiến lựa chọn khác nhau cho cùng một nội dung biểu quyết thì phần biểu quyết đối với nội dung đó không hợp lệ.

- + Phiếu có tất cả các nội dung biểu quyết không hợp lệ;
- + Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua trong Phiếu biểu quyết độc lập với nhau, tính hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác.

- Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải có:

- + Thời gian, địa điểm tiến hành kiểm phiếu.
- + Thành phần Ban kiểm phiếu.
- + Tổng số cổ đông có quyền biểu quyết tham dự họp.
- + Tổng số cổ đông có quyền biểu quyết tham gia bỏ phiếu.
- + Số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ.
- + Số và tỷ lệ biểu quyết cho từng vấn đề.
- + Chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu.

Điều 10: Thông qua Quyết định của Đại hội

10.1 Các vấn đề sau được thông qua khi được số cổ đông đại diện lớn hơn 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận:

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;
- Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo của Ban kiểm soát;
- Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2025;
- Quyết toán thù lao cho HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch, thù lao năm 2026;
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2026;
- Tờ trình Về việc thông qua dự thảo các hợp đồng xây lắp giữa C.ty Sông Đà 10 với người có liên quan thuộc thẩm quyền chấp thuận của ĐHĐCĐ
- Sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh và Điều lệ Công ty.
- Bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2026-2031;

10.2 Cách thức phản đối/yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong vòng 90 ngày, kể từ ngày biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được công bố, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp nghị quyết hoặc các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 11: Biên bản Đại hội

11.1 Nội dung Đại hội được lập thành Biên bản. Chủ tọa và Thư ký chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản Đại hội.

11.2 Biên bản Đại hội phải được công bố trước Đại hội và được Đại hội thông qua trước khi bế mạc Đại hội;

11.3 Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được Đại hội thông qua và phải thực hiện công bố thông tin theo quy định.

11.4 Biên bản Đại hội là cơ sở để đưa ra Nghị quyết của Đại hội.

Điều 12: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa ra Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Nghị quyết của Đại hội phải được Đại hội thông qua và phải thực hiện công bố thông tin theo quy định.

Điều 13: Lưu trữ tài liệu:

Nghị quyết, biên bản và các tài liệu khác của Đại hội phải được lưu trữ tại Công ty.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14: Hiệu lực thi hành của Quy chế

Quy chế này gồm 4 Chương, 14 Điều, được đọc công khai trước khi tiến hành Đại hội và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.

Quy chế này có thể được sửa đổi tại từng thời điểm trên cơ sở đề xuất của Chủ tọa Đại hội và phải được Đại hội biểu quyết thông qua.


TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH

TRẦN TUẤN LINH

QUY CHẾ

**ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ VÀ BẦU CỬ THÀNH VIÊN HĐQT, BKS NHIỆM KỲ
2026-2031 TẠI ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Căn cứ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Luật Chứng khoán năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 10;
- Nhu cầu kiện toàn nhân sự Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS).

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ban hành Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên HĐQT và BKS như sau:

Chương I - QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Mục đích: Quy chế này được sử dụng cho việc đề cử, ứng cử và bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2026-2031 Công ty cổ phần Sông Đà 10 đảm bảo thực hiện đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này điều chỉnh các hoạt động về việc đề cử, ứng cử và bầu thành viên HĐQT, BKS, bao gồm:

- a) Quy định về đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS.
- b) Quy định về việc bầu thành viên HĐQT, BKS.

3. Đối tượng áp dụng: Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền; ứng viên HĐQT, BKS; Ban kiểm phiếu và Ban tổ chức Đại hội.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Tuân thủ pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Bình đẳng giữa các cổ đông.
3. Bỏ phiếu kín.
4. Bầu theo phương thức dồn phiếu.
5. Mỗi cổ phần phổ thông tương ứng 01 quyền biểu quyết.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông

1. Quyền của các cổ đông khi tham dự Đại hội:

Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông đều được nhận 02 phiếu bầu cử (01 phiếu bầu thành viên HĐQT, 01 phiếu bầu thành viên BKS), trên phiếu có ghi rõ họ tên cổ đông, số cổ phần mà cổ đông đó nắm giữ và số phiếu tương ứng cổ đông được sử dụng để bầu.

2. Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội:
- Tuân thủ các điều kiện và thể thức bầu cử quy định tại Quy chế này;
 - Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự với Ban Tổ chức Đại hội;
 - Cổ đông, đại diện cổ đông khi được phát Phiếu bầu cử phải kiểm tra lại số cổ phần ghi trên Phiếu bầu cử, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban Tổ chức tại thời điểm nhận phiếu;
 - Nghiêm túc chấp hành Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả bỏ phiếu tại Đại hội.

Chương II - TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ỨNG VIÊN

Điều 4. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT

Ứng viên HĐQT phải:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác, nhưng không quá 05 công ty;
- Đáp ứng tiêu chuẩn độc lập (nếu là thành viên HĐQT độc lập).

Điều 5. Tiêu chuẩn thành viên Ban Kiểm soát

Ứng viên BKS không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý, điều hành doanh nghiệp theo Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 2020;
- Không phải là: Thành viên HĐQT, Người điều hành/người quản lý Công ty;
- Không được là người có quan hệ gia đình với HĐQT/Ban điều hành Công ty;
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành: tài chính, kế toán, kiểm toán, kinh tế, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành khác phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Không làm việc tại bộ phận Kế toán - Tài chính Công ty.

Chương III – QUY ĐỊNH VỀ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HĐQT, BKS

Điều 6. Quyền ứng cử

Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền **tự ứng cử** vào HĐQT hoặc BKS nếu đáp ứng tiêu chuẩn.

Điều 7. Quyền đề cử

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu liên tục từ **05% tổng số cổ phần phổ thông** trở lên có quyền đề cử.

Số lượng ứng viên được đề cử:

Tỷ lệ sở hữu	Số ứng viên được đề cử
5% – dưới 10%	01 ứng viên
10% – dưới 30%	02 ứng viên
30% – dưới 40%	03 ứng viên
40% – dưới 50%	04 ứng viên
≥ 50%	Toàn bộ số ứng viên

Điều 8. Hồ sơ ứng cử, đề cử để bầu thành viên HĐQT, BKS:

1. Đơn đề cử, ứng cử vào các chức danh HĐQT, BKS (01 bản gốc) của các cổ đông, nhóm cổ đông Công ty. Nếu là nhóm cổ đông, phải có danh sách cổ đông (bản gốc) kèm theo Đơn đề cử, bao gồm các thông tin sau: đại diện nhóm cổ đông; email và số điện thoại của đại diện nhóm; danh sách chi tiết cổ đông và số cổ phần sở hữu; chữ ký của từng cổ đông.

2. Lý lịch cá nhân (hoặc văn bản tương đương) của ứng viên (01 bản gốc) theo mẫu 2C-BNV/2008 ban hành kèm theo Quyết định số 02/2002/QĐ-BNV ngày 06/10/2008 của Bộ Nội vụ.

3. Cam kết bằng văn bản (có mẫu kèm theo) về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT.

4. Các văn bản khác chứng minh ứng cử viên đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật (01 bản gốc hoặc bản sao hợp lệ).

Điều 9. Lựa chọn các ứng cử viên

Căn cứ trên Đơn ứng cử, đề cử của các cổ đông/nhóm cổ đông đề cử, ứng cử vào thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổ chức Đại hội sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện như quy định để đưa vào danh sách ứng viên tham gia bầu vào HĐQT và BKS và thông qua danh sách tại Đại hội.

Điều 10. Thông tin gửi hồ sơ

Hồ sơ đề cử, ứng cử xin gửi về Công ty CP Sông Đà 10 trước ngày tiến hành dự kiến đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 tối thiểu 03 ngày làm việc.

Chương IV - BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BKS**Điều 11. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu**

1. Phiếu bầu:

a) Phiếu bầu được in thống nhất do Ban tổ chức phát hành, 01 phiếu bầu HĐQT, 01 phiếu bầu BKS;

b) Trên phiếu bầu ghi rõ danh sách các ứng viên được sắp xếp theo thứ tự ABC; Tên cổ đông/Người đại diện ủy quyền; Tổng số cổ phần sở hữu và phiếu bầu tương ứng;

c) Cổ đông hoặc Người đại diện ủy quyền được phát đồng thời phiếu bầu thành viên HĐQT và phiếu bầu thành viên BKS theo mã số tham dự (sở hữu và được ủy quyền) ngay khi đăng ký tham dự Đại hội.

2. Ghi phiếu bầu:

a) Cổ đông hoặc Người đại diện ủy quyền phải tự mình ghi số phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống tương ứng trên phiếu bầu. Trong trường hợp ủy quyền hợp lệ (có giấy ủy quyền), người được ủy quyền có đầy đủ quyền biểu quyết;

b) Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban Tổ chức đổi phiếu bầu khác;

c) Ký xác nhận việc thực hiện bầu.

3. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ:

a) Phiếu không theo mẫu quy định của Công ty, không có dấu của Công ty;

b) Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thông nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;

c) Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền);

d) Cổ đông hoặc Người đại diện ủy quyền không ký xác nhận trên Phiếu bầu.

Điều 12. Phương thức bầu cử

1. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu.

2. Tổng số phiếu bầu của mỗi cổ đông tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết nhân với số lượng thành viên HĐQT được bầu hoặc số lượng thành viên BKS được bầu. Cổ đông có quyền sử dụng hoặc không sử dụng một phần hoặc dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.

Điều 13. Ban Bầu cử và Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Ban bầu cử và kiểm phiếu:

a) Ban bầu cử và kiểm phiếu gồm 03 người do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Ban bầu cử và kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT, BKS;

b) Ban bầu cử và kiểm phiếu có trách nhiệm tiến hành các thủ tục cần thiết cho việc bỏ phiếu bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS, bao gồm: Chuẩn bị thùng phiếu, phổ biến Quy chế bầu cử, danh sách ứng viên bầu HĐQT và BKS, trình tự bỏ phiếu; hướng dẫn ghi phiếu; giám sát việc bỏ phiếu và tiến hành kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

a) Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

b) Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc

khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

c) Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

d) Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban bầu cử và kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 14. Nguyên tắc xác định trúng cử thành viên HĐQT, BKS

1. Ứng cử viên trúng cử vào HĐQT là 05 ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất.

2. Ứng cử viên trúng cử vào BKS là 03 ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có số phiếu bầu ngang nhau cho vị trí thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS cuối cùng, sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên đó cho đến khi chọn được người trúng cử cuối cùng.

Điều 15. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban bầu cử và kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số và tỉ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào HĐQT, BKS; Danh sách thành viên HĐQT, BKS trúng cử được sắp xếp theo thứ tự số phiếu bầu từ cao xuống thấp.

2. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 16. Quy định khác

1. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa Đại hội giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Quy chế này gồm có 16 điều có hiệu lực ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua. Các vấn đề phát sinh chưa được quy định trong Quy chế này sẽ được thực hiện theo Điều lệ công ty và quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TRẦN TUẤN LINH

PHỤ LỤC
HƯỚNG DẪN BẦU HĐQT, BKS
(Theo phương thức bầu dồn phiếu)

1. Loại phiếu bầu cử:

- 01 phiếu bầu thành viên HĐQT.
- 01 phiếu bầu thành viên Bầu BKS.

2. Bỏ phiếu:

- Bỏ phiếu bầu cử HĐQT, BKS vào thùng phiếu.

3. Ghi Phiếu bầu cử:

- Mỗi cổ đông có Tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc nhân với số thành viên được bầu của BKS.

- Tổng số phiếu bầu của mỗi cổ đông đã được ghi trên Phiếu bầu cử.

- Cổ đông có thể dồn hết số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên nhưng đảm bảo tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu ghi trên Phiếu bầu cử.

Ví dụ: Cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó Tổng số phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A là:

$$1.000 \times 5 = 5.000 \text{ Phiếu bầu để bầu thành viên HĐQT}$$

$$1.000 \times 3 = 3.000 \text{ Phiếu bầu để bầu thành viên BKS}$$

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu dồn phiếu theo phương thức sau:

Trường hợp 1: cổ đông Nguyễn Văn A chia đều Tổng số phiếu bầu của mình cho các ứng viên.

Bầu HĐQT		Bầu BKS	
Họ tên	Số phiếu bầu	Họ và tên	Số phiếu bầu
1. ứng viên 1	1.000	1. ứng viên 1	1.000
2. ứng viên 2	1.000	2. ứng viên 2	1.000
3. ứng viên 3	1.000	3. ứng viên 3	1.000
4. ứng viên 4	1.000	Tổng số phiếu bầu	3.000
5. ứng viên 5	1.000		
Tổng số phiếu bầu	5.000		

Trường hợp 2: cổ đông Nguyễn Văn A dồn hết Tổng số phiếu bầu của mình cho 1 ứng viên.

Bầu HĐQT		Bầu BKS	
Họ tên	Số phiếu bầu	Họ và tên	Số phiếu bầu
1. ứng viên 1	0	1. ứng viên 1	0

Bầu HĐQT		Bầu BKS	
Họ tên	Số phiếu bầu	Họ và tên	Số phiếu bầu
2. ứng viên 2	0	2. ứng viên 2	3.000
3. ứng viên 3	5.000	3. ứng viên 3	0
4. ứng viên 4	0	Tổng số phiếu bầu	3.000
5. ứng viên 5	0		
Tổng số phiếu bầu	5.000		

Trường hợp 3: cổ đông Nguyễn Văn A bỏ hết phiếu bầu của mình cho các ứng viên nhưng không đều nhau.

Bầu HĐQT		Bầu BKS	
Họ tên	Số phiếu bầu	Họ và tên	Số phiếu bầu
1. ứng viên 1	1.000	1. ứng viên 1	500
2. ứng viên 2	500	2. ứng viên 2	1.000
3. ứng viên 3	2.000	3. ứng viên 3	1.500
4. ứng viên 4	1.000	Tổng số phiếu bầu	3.000
5. ứng viên 5	500		
Tổng số phiếu bầu	5.000		

Trường hợp 4: cổ đông Nguyễn Văn A không dồn hết phiếu bầu của mình cho các ứng viên.

Bầu HĐQT		Bầu BKS	
Họ tên	Số phiếu bầu	Họ và tên	Số phiếu bầu
1. ứng viên 1	500	1. ứng viên 1	500
2. ứng viên 2	1.000	2. ứng viên 2	1.000
3. ứng viên 3	200	3. ứng viên 3	700
4. ứng viên 4	300	Tổng số phiếu bầu	2.200
5. ứng viên 5	2000		
Tổng số phiếu bầu	4.000		

4. Phiếu bầu không hợp lệ

- Phiếu không phải do Ban Tổ chức Đại hội phát hành, không có dấu của Công ty;
- Phiếu bầu cử gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm ứng viên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thông nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên vượt quá Tổng số phiếu bầu ghi trên phiếu;
- Các trường hợp khác quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử./.

(Mẫu đơn cam kết của ứng viên)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****CAM KẾT CỦA ỨNG VIÊN****THÀNH VIÊN HĐQT/BKS CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 10***Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Sông Đà 10***Tôi là:**

- Giới tính:
- Sinh ngày:
- Hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện nay:
- Trình độ chuyên môn:
- Nơi công tác, chức vụ:
- Số lượng cổ phần (SDT) sở hữu: cổ phần.
- Số lượng cổ phần (SDT) đại diện sở hữu:cổ phần, đại diện cho
.....
- Tóm tắt quá trình công tác:

.....

.....

- Tên các công ty đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và chức danh quản lý khác:
- Các lợi ích liên quan tới công ty:

Tôi được đề cử để bầu làm thành viên(HĐQT hoặc BKS) nhiệm kỳ 2026-2031 của Công ty CP Sông Đà 10 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026. Tôi xin cam đoan về tính trung thực, chính xác của các thông tin đã cung cấp. Nếu trúng cử, tôi xin cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty.

*Hà Nội, ngày tháng năm 2026***ỨNG VIÊN - NGƯỜI CAM KẾT**

(Ký, ghi rõ họ tên)

TỜ TRÌNH
Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Căn cứ vào nguồn lực và tình hình thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 như sau

I. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu

TT	Các chỉ tiêu chính	ĐVT	Kế hoạch năm 2026	
			Tổ hợp	Công ty mẹ
I	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ VND	1.055.408	822.500
1	Giá trị xây lắp	10 ⁶ VND	997.672	822.500
2	Giá trị kinh doanh điện	10 ⁶ VND	57.736	0
II	Kế hoạch tài chính			
1	Doanh thu	10 ⁶ VND	970.183	794.750
2	Nộp nhà nước	10 ⁶ VND	50.304	22.829
3	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ VND	74.324	16.035
4	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ VND	68.720	12.805
5	Tỷ suất			
-	Lợi nhuận cận biên (LN/DT)	%	7,66%	2,02%
III	Kế hoạch đầu tư	10 ⁶ VND	31.180	31.180

II. Các nhiệm vụ trọng tâm

1. Đẩy mạnh công tác tiếp thị đấu thầu đảm bảo tìm kiếm đủ việc làm theo kế hoạch năm 2026 và phân việc gởi đầu cho các năm tiếp theo.
2. Xây dựng các biện pháp cụ thể, tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế của kế hoạch SXKD năm 2026
3. Tổ chức thi công các công trình đảm bảo an toàn, đúng tiến độ, chất lượng công trình theo hợp đồng đã ký.
4. Đảm bảo và nâng cao thu nhập cho CBCNV cũng như các chế độ BHXH, BHYT và các chế độ khác cho người lao động.
5. Thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.
6. Thường xuyên rà soát các quy chế, quy định để sửa đổi bổ sung kịp thời cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
7. Chỉ đạo Công ty CP Thủy điện Nậm He tổ chức vận hành nhà máy thủy điện Nậm He đúng quy trình, quy định, đảm bảo an toàn cho thiết bị, con người và công trình xây

dựng. Tối ưu hóa quá trình vận hành máy móc thiết bị, đồng thời tìm mọi giải pháp để gia tăng sản lượng điện phát ra, đặc biệt là phát điện vào giờ cao điểm nhằm đạt giá trị sản lượng cao nhất, phần đầu hoàn thành kế hoạch đề ra.

8. Tiếp tục củng cố xây dựng đội ngũ làm công tác đấu thầu đủ mạnh để tham gia tiếp thị, đấu thầu các công trình thuộc thể mạnh của đơn vị, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng hai con số qua mỗi năm; Phối hợp chặt chẽ với Tổng công ty để tham gia tiếp thị, đấu thầu các công trình theo chiến lược tiếp thị, đấu thầu của Tổng công ty.

9. Chủ động nghiên cứu công nghệ thi công tại công trình đường sắt tốc độ cao, nhà máy điện hạt nhân, ... để có kế hoạch chuẩn bị về xe máy, thiết bị, nhân lực;

10. Tập trung thu vốn, thu hồi công nợ tại các công trình để giảm giá trị khối lượng dở dang và công nợ.

11. Tích cực bám sát, chỉ đạo công tác thanh/quyết toán tại các công trình đã thi công xong như: thủy điện XKM3, thủy điện Trạm Tấu; hầm Đèo Cả, thủy điện Namemoun, thủy điện NamPhak, hầm Sơn Triệu, hầm EA Trang, thủy điện Đắk Mi1...;

12. Tập trung nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội đầu tư dự án. Đối với đầu tư thiết bị thi công nâng cao năng lực cần phải lập dự án và tổ chức thực hiện theo đúng quy định của nhà nước, điều lệ công ty và Tổng công ty.

13. Thực hiện tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất và quản lý trên cơ sở: định biên nhân sự, sắp xếp lại tổ chức để đảm bảo SXKD có hiệu quả.

14. Đầu tư xe máy, thiết bị thi công theo dự án được phê duyệt.

15. Không để phát sinh nợ quá hạn, nợ xấu. Duy trì và phát triển quan hệ với các tổ chức tín dụng để đảm bảo vốn cho hoạt động SXKD của Công ty với chi phí thấp nhất.

III. Triển khai thực hiện

Trên đây là kế hoạch SXKD năm 2026 của Công ty. Trong quá trình thực hiện, các chỉ tiêu kinh tế có thể phải thay đổi cho phù hợp với tình hình thực tế và mục tiêu tăng trưởng của Công ty. Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua:

1. Kế hoạch SXKD năm 2026 của Công ty;
2. Ủy quyền cho HĐQT Công ty điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2026 cho phù hợp với thực tế.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, thư ký.



TRẦN TUẤN LINH



TỜ TRÌNH

Vv Thông qua báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 10 kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 và Báo cáo tài chính riêng năm 2025 của Công ty CP Sông Đà 10 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Các báo cáo tài chính trên đã được công bố thông tin đầy đủ theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website của Công ty CP Sông Đà 10: <http://www.songda10.com.vn>.

Để tiện theo dõi, HĐQT kính gửi kèm theo tờ trình này là Bản rút gọn của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, bao gồm:

- Báo cáo kiểm toán độc lập;
- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, thư ký.



PM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TRẦN TUẤN LINH

Số: 633/2026/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 10
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 30 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 47 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 10 tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 35.2 của bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, tại ngày 31/12/2025, các khoản chi phí sản xuất kinh doanh của Công trình Thủy điện Xekaman 1 là 78.355.938.094 đồng và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công trình Thủy điện Xekaman 3 là 12.207.337.000 đồng (tại ngày 01/01/2025, số dư lần lượt là 78.355.938.094 đồng và 12.207.337.000 đồng), các khoản công nợ phải thu khách hàng của Công trình Thủy điện Xekaman 1 và Công trình Thủy điện Xekaman 3 lần lượt là 34.432.496.961 đồng và là 181.298.300.671 đồng (tại ngày 01/01/2025, số dư lần lượt là 52.626.740.335 đồng và 181.298.300.671 đồng). Đây là các khoản công nợ phải thu và chi phí sản xuất dở dang tồn tại từ nhiều năm trước, các hạng mục dở dang vẫn đang được các bên nghiệm thu, trong năm 2025 các tồn tại này vẫn đang chờ được giải quyết.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nhấn mạnh này.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Bùi Đức Nam
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5142-2025-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.377.217.437.931	1.530.174.872.307
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	300.696.390.198	176.541.358.555
Tiền	111		279.396.390.198	161.541.358.555
Các khoản tương đương tiền	112		21.300.000.000	15.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		689.930.739.810	924.332.884.086
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	553.076.660.570	790.031.533.998
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	55.816.471.169	38.256.121.913
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	131.419.433.418	133.018.712.751
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(50.381.825.347)	(46.803.119.813)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	9.829.635.237
Hàng tồn kho	140	12	337.411.698.118	363.972.987.514
Hàng tồn kho	141		337.411.698.118	363.972.987.514
Tài sản ngắn hạn khác	150		49.178.609.805	65.327.642.152
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6	270.457.463	10.007.940.588
Thuế GTGT được khấu trừ	152		48.805.940.671	55.094.565.551
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	102.211.671	225.136.013
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		643.899.168.514	576.612.020.287
Các khoản phải thu dài hạn	210		120.025.873.956	4.650.631.946
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	8	93.684.641.956	-
Phải thu dài hạn khác	216	10	26.341.232.000	4.650.631.946
Tài sản cố định	220		468.175.249.293	511.032.483.582
Tài sản cố định hữu hình	221	13	461.933.031.947	504.132.367.388
- Nguyên giá	222		1.292.942.225.180	1.408.411.290.591
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(831.009.193.233)	(904.278.923.203)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	6.242.217.346	6.900.116.194
- Nguyên giá	225		7.214.482.285	7.214.482.285
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(972.264.939)	(314.366.091)
Tài sản dở dang dài hạn	240	5	4.947.945.463	9.391.659.692
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.947.945.463	9.391.659.692
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7	16.808.718.894	15.739.033.894
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		19.808.718.894	18.739.033.894
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		33.941.380.908	35.798.211.173
Chi phí trả trước dài hạn	261	6	33.941.380.908	35.798.211.173
TỔNG TÀI SẢN	270		2.021.116.606.445	2.106.786.892.594

Các Thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.159.948.258.641	1.308.091.141.591
Nợ ngắn hạn	310		959.163.019.421	1.090.905.773.095
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	187.139.206.341	228.847.894.140
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	421.252.628.238	248.624.163.457
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	9.894.088.480	7.436.353.658
Phải trả người lao động	314		29.857.564.076	31.348.524.385
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	20.590.089.050	127.234.824.151
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		274.696.478	265.090.909
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	106.955.665.134	114.406.272.718
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	182.725.545.013	331.952.613.066
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		473.536.611	790.036.611
Nợ dài hạn	330		200.785.239.220	217.185.368.496
Phải trả dài hạn khác	337	20	7.023.120.259	5.953.435.259
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	180.482.118.961	197.951.933.237
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341		13.280.000.000	13.280.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		861.168.347.804	798.695.751.003
Vốn chủ sở hữu	410	21	861.168.347.804	798.695.751.003
Vốn góp của chủ sở hữu	411		427.323.110.000	427.323.110.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		427.323.110.000	427.323.110.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		50.066.521.921	50.066.521.921
Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.901.000.000	3.901.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		396.319.577.252	396.319.577.252
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.282.989.983	(63.879.025.301)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(63.879.025.301)	(63.714.288.944)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		66.162.015.284	(164.736.357)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(18.724.851.352)	(15.035.432.869)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		2.021.116.606.445	2.106.786.892.594


Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Lê Thị Thanh Nhung


Nguyễn Trung Kiên


Nguyễn Tuấn Anh



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025


Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	775.458.737.493	1.022.914.332.736
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	769.164.396
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		775.458.737.493	1.022.145.168.340
Giá vốn hàng bán	11	23	698.066.689.021	886.217.261.758
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		77.392.048.472	135.927.906.582
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.655.449.249	3.938.142.335
Chi phí tài chính	22	25	37.392.908.987	50.606.007.426
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		36.878.141.151	48.710.276.653
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	60.677.439.452	89.933.272.576
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(19.022.850.718)	(673.231.085)
Thu nhập khác	31	27	104.653.769.848	2.825.213.260
Chi phí khác	32	28	18.063.809.207	2.829.211.667
Lợi nhuận khác	40		86.589.960.641	(3.998.407)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		67.567.109.923	(677.229.492)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	5.094.513.122	3.549.011.537
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		62.472.596.801	(4.226.241.029)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		66.162.015.284	(164.736.357)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(3.689.418.483)	(4.061.504.672)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.548	(4)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	1.548	(4)


Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Lê Thị Thanh Nhung


Nguyễn Trung Kiên


Nguyễn Tuấn Anh



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		67.567.109.923	(677.229.492)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		43.197.863.724	45.465.191.995
Các khoản dự phòng	03		3.578.705.534	36.354.446.702
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(3.725.785.795)	(3.622.813.485)
Chi phí lãi vay	06		(61.984.041.840)	48.710.276.653
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		48.633.851.546	126.229.872.373
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		84.717.050.235	(15.032.861.589)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		31.005.003.625	21.363.177.152
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		106.089.818.905	(70.000.039.926)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		11.594.313.390	1.095.758.146
Tiền lãi vay đã trả	14		(29.833.724.362)	(36.345.707.964)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.648.640.369)	(7.417.974.284)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(316.500.000)	(953.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		248.241.172.970	18.939.223.908
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(468.348.703)	(12.055.192.468)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.949.689.182	2.649.806.175
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	16.741.666.464
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.069.685.000)	(1.360.537.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	28.528.299.999
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		41.199.085.523	3.077.350.211
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		42.610.741.002	37.581.393.381

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

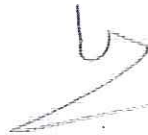
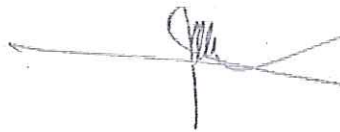
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ di vay	33		386.570.141.632	237.928.694.815
Tiền trả nợ gốc vay	34		(551.730.079.693)	(344.493.111.050)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(1.536.944.268)	(2.062.549.048)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(6.442.997.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(166.696.882.329)	(115.069.962.283)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		124.155.031.643	(58.549.344.994)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	176.541.358.555	235.090.703.549
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	300.696.390.198	176.541.358.555

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Lê Thị Thanh Nhung

Nguyễn Trung Kiên

Nguyễn Tuấn Anh

Số: 632/2026/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Sông Đà 10
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 30 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 45 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng, do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Sông Đà 10 tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 33.2 của bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31/12/2025, các khoản công nợ phải thu khách hàng và chi phí phí sản xuất dở dang liên quan đến Công trình Thủy điện Xekaman 3 lần lượt là 181.298.300.671 đồng (tại ngày 01/01/2025: 181.298.300.671 đồng) và 12.207.337.000 đồng (tại ngày 01/01/2025: 12.207.337.000 đồng). Đây là các khoản công nợ phải thu và chi phí phí sản xuất dở dang tồn tại từ nhiều năm trước, các hạng mục dở dang vẫn đang được các bên nghiệm thu, trong năm 2025 các tồn tại này vẫn đang chờ được giải quyết.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nhấn mạnh này.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Bùi Đức Nam
Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN kiểm toán số 5142-2025-112-1

BV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.323.579.048.064	1.399.707.156.618
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	275.745.496.142	156.890.443.268
Tiền	111		254.445.496.142	146.890.443.268
Các khoản tương đương tiền	112		21.300.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		791.093.195.976	951.553.956.969
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	613.244.878.261	833.340.432.924
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	100.400.570.469	68.744.342.864
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	123.921.845.933	95.704.298.611
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(46.474.098.687)	(46.235.117.430)
Hàng tồn kho	140	12	215.604.853.167	244.869.932.113
Hàng tồn kho	141		215.604.853.167	244.869.932.113
Tài sản ngắn hạn khác	150		41.135.502.779	46.392.824.268
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	-	44.800.268
Thuế GTGT được khấu trừ	152		41.135.502.779	46.347.979.000
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	-	45.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		330.826.396.157	229.611.267.693
Các khoản phải thu dài hạn	210		119.969.873.956	40.500.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	93.684.641.956	-
Phải thu dài hạn khác	216	8	26.285.232.000	40.500.000
Tài sản cố định	220		105.277.411.695	127.062.337.393
Tài sản cố định hữu hình	221	13	99.035.194.349	120.162.221.199
- Nguyên giá	222		553.863.774.044	641.644.753.287
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(454.828.579.695)	(521.482.532.088)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	6.242.217.346	6.900.116.194
- Nguyên giá	225		7.214.482.285	7.214.482.285
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(972.264.939)	(314.366.091)
Tài sản dở dang dài hạn	240	9	4.947.945.463	891.752.859
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.947.945.463	891.752.859
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	68.766.651.268	67.696.966.268
Đầu tư vào công ty con	251		118.357.932.374	118.357.932.374
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		19.808.718.894	18.739.033.894
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(69.400.000.000)	(69.400.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		31.864.513.775	33.919.711.173
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	31.864.513.775	33.919.711.173
TỔNG TÀI SẢN	270		1.654.405.444.221	1.629.318.424.311


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		838.516.767.975	825.070.508.911
Nợ ngắn hạn	310		829.311.528.755	813.965.140.415
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	178.997.231.295	237.800.745.196
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	421.252.628.238	248.624.163.457
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	7.190.043.973	6.638.883.117
Phải trả người lao động	314		24.023.334.081	26.963.024.431
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	9.586.393.787	18.707.213.966
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		274.696.478	265.090.909
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	17.248.543.589	28.005.554.870
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	170.725.545.013	246.630.852.168
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		13.112.301	329.612.301
Nợ dài hạn	330		9.205.239.220	11.105.368.496
Phải trả dài hạn khác	337	20	7.023.120.259	5.953.435.259
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	2.182.118.961	5.151.933.237
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	21	815.888.676.246	804.247.915.400
Vốn chủ sở hữu	410		815.888.676.246	804.247.915.400
Vốn góp của chủ sở hữu	411		427.323.110.000	427.323.110.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		427.323.110.000	427.323.110.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		50.066.521.921	50.066.521.921
Quỹ đầu tư phát triển	418		288.722.797.097	288.722.797.097
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		49.776.247.228	38.135.486.382
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		38.135.486.382	31.376.722.327
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		11.640.760.846	6.758.764.055
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.654.405.444.221	1.629.318.424.311

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Lê Thị Thanh Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Kiên



Tổng Giám đốc

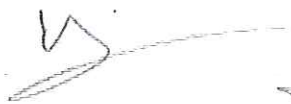
Nguyễn Tuấn Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	715.939.927.643	982.039.475.275
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	769.164.396
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		715.939.927.643	981.270.310.879
Giá vốn hàng bán	11	23	633.104.232.493	866.570.855.228
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		82.835.695.150	114.699.455.651
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.438.260.389	3.447.968.167
Chi phí tài chính	22	25	16.484.098.742	24.273.330.211
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		15.969.330.906	22.377.599.438
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	50.741.388.716	84.253.476.221
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.048.468.081	9.620.617.386
Thu nhập khác	31	27	5.114.134.635	2.234.772.150
Chi phí khác	32	28	7.586.016.169	1.652.628.752
Lợi nhuận khác	40		(2.471.881.534)	582.143.398
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.576.586.547	10.202.760.784
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	2.935.825.701	3.443.996.729
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.640.760.846	6.758.764.055

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Lê Thị Thanh Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Kiên



Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuấn Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	1	14.576.586.547	10.202.760.784
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	21.930.718.096	21.729.572.910
Các khoản dự phòng	03	238.981.257	36.354.446.702
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(2.854.804.343)	(2.556.639.317)
Chi phí lãi vay	06	15.969.330.906	22.377.599.438
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	49.860.812.463	88.107.740.517
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	45.706.840.057	(77.769.898.281)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	25.208.886.342	37.999.855.350
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	89.987.468.683	(63.963.315.974)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.099.997.666	9.431.464.465
Tiền lãi vay đã trả	14	(15.983.724.362)	(23.445.697.965)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.546.428.698)	(7.026.506.155)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(316.500.000)	(853.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	193.017.352.151	(37.519.358.043)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(273.511.666)	(10.246.660.061)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.295.896.590	2.073.806.175
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.069.685.000)	(1.360.537.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	28.528.299.999
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.760.122.230	476.586.567
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.712.822.154	19.471.495.680

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

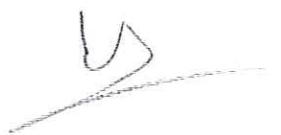
Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	386.570.141.632	237.928.694.815
Tiền trả nợ gốc vay	34	(463.908.318.795)	(279.276.519.949)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(1.536.944.268)	(2.062.549.048)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(6.442.997.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(78.875.121.431)	(49.853.371.182)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	118.855.052.874	(67.901.233.545)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 4	156.890.443.268	224.791.676.813
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 4	275.745.496.142	156.890.443.268


Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lê Thị Thanh Nhung

Nguyễn Trung Kiên

Nguyễn Tuấn Anh

BÁO CÁO

Tình hình quản trị công ty năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Sông Đà 10

Để đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2025 cũng như kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị (HĐQT) xin gửi tới Đại hội đồng cổ đông báo cáo tình hình quản trị công ty gồm các phần sau:

- Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2025;
- Hoạt động của HĐQT trong năm 2025;
- Phương hướng hoạt động và nhiệm vụ của HĐQT trong năm 2026.

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2025

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đạt được như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Tổ hợp			Công ty mẹ		
			KH năm	Thực hiện	Tỷ lệ % hoàn thành	KH năm	Thực hiện	Tỷ lệ % hoàn thành
1	Tổng GT SXKD	10 ⁶ đ	1.392.000	820.625	59,00	1.161.085	747.604	64,40
2	Doanh thu	10 ⁶ đ	1.267.000	881.768	69,60	1.043.000	722.492	69,30
3	Nộp nhà nước	10 ⁶ đ	49.000	33.776	68,90	31.620	16.485	52,10
4	LN trước thuế	10 ⁶ đ	25.300	67.567	267,1	21.740	14.577	67,10
5	LN sau thuế	10 ⁶ đ	20.240	62.473	308,7	17.390	11.641	66,90
6	Thu nhập BQ 1CBCNV/tháng	10 ⁶ đ	17,74	18,18	102,5	18,60	18,60	100,0
7	Đầu tư	10 ⁶ đ	21.120		0,0	21,12	0,0	0,0

• *Giá trị dở dang tại thời điểm 31/12/2025:*

- Của Công ty mẹ là: 192,1 tỷ đồng, giảm 28,4 tỷ đồng so với đầu năm 2025 (dở dang đầu năm là 220,6 tỷ đồng);
- Của Tổ hợp là: 302,02 tỷ đồng, giảm 19,7 tỷ đồng so với đầu năm 2025 (dở dang đầu năm là 321,7 tỷ đồng);

• *Công nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2025:*

- Của Công ty mẹ là: 706,9 tỷ đồng, giảm 126,4 tỷ đồng so với đầu năm 2025 (phải thu khách hàng đầu năm là 833,3 tỷ đồng);
- Của Tổ hợp là: 646,7 tỷ đồng, giảm 143,2 tỷ đồng so với đầu năm 2025 (phải thu khách hàng đầu năm là 790 tỷ đồng);

2. Nhận xét, đánh giá

Năm 2025, hoạt động SXKD chính của Công ty là tham gia thi công xây lắp tại các công trình: hầm Đèo Ngang; hầm Sơn Triệu (dự án đường cao tốc Bắc Nam); hầm EA Trang 1 & hầm EA Trang 2 (dự án đường cao tốc Bắc nam đoạn Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột); Công trình cao tốc Hòa Bình – Mộc Châu; Công trình mở rộng cao tốc đoạn Yên Bái – Lào Cai; thủy điện Yaly mở rộng (Gia Lai) và thủy điện Bắc Ái (Ninh Thuận). Ban lãnh đạo Công ty đã tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 đã thông qua.

Kết quả đạt được là: Các công trình Công ty đảm nhiệm thi công (được CĐT bàn giao mặt bằng đúng hạn) đều đạt và vượt tiến độ. Công tác thi công đảm bảo an toàn, chất lượng theo yêu cầu thiết kế, được bạn hàng đánh giá cao. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đạt được như tổng hợp tại **mục 1** trên. Mặc dù vậy, một số các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu không đạt kế hoạch bởi các nguyên nhân sau:

- Phần sản lượng dự kiến đầu thầu không đạt như kế hoạch.
- Tại công trình cao tốc Hòa Bình – Mộc Châu: CĐT chưa giải quyết được vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng nên chưa có đường vào để triển khai thi công.
- Một số công trình vì nguyên nhân khách quan chưa thu được vốn như: các công trình Đèo Cả, Trạm Tấu, Namemulon, Xekaman3, Xekaman1...

3. Về lĩnh vực sản xuất điện (Công ty CP thủy điện Nậm He):

Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Công ty CP thủy điện Nậm He		
			KH năm 2025	TH năm 2025	Tỷ lệ hoàn thành (%)
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đ	58.200	59.536	102,3
2	Doanh thu	10 ⁶ đ	52.986	55.720	105,2
3	Nộp nhà nước	10 ⁶ đ	12.398	13.154	106,1
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đ	1.394	-8.670	
5	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đ	957	-8.670	
6	Thu nhập BQ tháng 1 CBCNV	10 ⁶ đ	12,90	13,00	104,7

Năm 2025, các điều kiện thủy văn thuận lợi, công tác quản lý vận hành nhà máy hợp lý nên kết quả SXKD của Công ty CP thủy điện Nậm He đạt tốt. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu như Tổng giá trị SXKD, doanh thu, nộp ngân sách thực hiện đều vượt so với kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, trong năm Công ty đã hạch toán những khoản chi phí tồn đọng từ các năm trước để lại bao gồm: Tài sản thiếu chưa được xử lý; Chi phí dở dang và công nợ cá nhân không thu hồi được nên ảnh hưởng lớn đến kết quả lợi nhuận của Công ty.

4. Công tác SXKD của Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1:

+ Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	% HTKH
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đ	172.715	117.060	67,8
2	Doanh thu	10 ⁶ đ	171.014	199.451	116,6
3	Nộp nhà nước	10 ⁶ đ	4.982	4.137	83,0
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đ	2.166	61.660	2.846,7
5	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đ	1.893	59.502	3.143,3
6	Thu nhập BQ tháng 1 CBCNV	10 ³ đ	15.00	17.50	116,7

Giá trị SXKD thực hiện chỉ đạt 67,8% do phần khối lượng dự kiến đấu thầu mới không đạt so với kế hoạch. Lợi nhuận tăng cao bất thường là do đơn vị đã thỏa thuận được với Ngân hàng thực hiện miễn giảm chi phí lãi vay quá hạn, dẫn đến giảm chi phí tài chính.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2025

1. Hoạt động của HĐQT

Trong năm qua, HĐQT đã bám sát các chỉ tiêu kinh tế mà ĐHĐCĐ thường niên 2025 đã thông qua để tích cực chỉ đạo, điều hành các mặt công tác: Kỹ thuật – An toàn ; Kinh tế - Kế hoạch; Đấu thầu – Tiếp thị; Tài chính - Kế toán; Vật tư – Cơ giới và Tổ chức – Nhân sự nhằm tối ưu chi phí, nâng cao hiệu quả SXKD đồng thời đảm bảo tiến độ, chất lượng các công trình....với một số hành động cụ thể, nổi bật như:

a) Tiếp tục đẩy nhanh công tác nghiệm thu, thanh toán các công trình đang thi công như: Công trình giao thông đoạn Yên Bái – Lào Cai, thủy điện Bác Ái và quyết toán các công trình đã thi công xong như: thủy điện XKM3, thủy điện Trạm Tấu; hầm Đèo Cả, thủy điện Namemoun, thủy điện NamPhak, hầm Sơn Triệu, hầm EA Trang, thủy điện Đắk Mil....;

b) Tích cực chỉ đạo công tác thu vốn và trả nợ các tổ chức tín dụng: Trả nợ đúng hạn khoản nợ gốc vay các tổ chức tín dụng, không để xảy ra tình trạng chuyển nợ quá hạn. Biến động dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm so với đầu năm như sau:

- Công ty mẹ 171,47/150,252 tỷ;
- Công ty 10.1 là 0/65 tỷ;
- Công ty Nậm He 190,3/212,8 tỷ.

c) Chỉ đạo thực hiện công tác tiếp thị, đấu thầu. Năm 2025 Công ty đã tham gia đấu thầu và trúng thầu với tổng giá trị là 1.340,672 tỷ đồng, bao gồm các dự án/gói thầu sau:

- Thi công xây lắp công trình nhà máy thủy điện tích năng Bác Ái giai đoạn 2 đợt 1 thuộc Dự án thủy điện tích năng Bác Ái (nhà thầu phụ cho TCT Sông Đà và TCT Vinaconex: 698,776 tỷ đồng.

- Gói thầu XL1-NBLC: Thi công mở rộng đoạn Km123+080 - Km190+420 - Dự án xây dựng mở rộng đoạn Yên Bái - Lào Cai thuộc tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai: 594,566 tỷ đồng.

- Mở rộng hầm nhánh trái, hầm đường bộ Sơn Triệu thuộc dự án đường cao tốc Bắc Nam đoạn Quy Nhơn – Chí Thạnh: 47,239 tỷ đồng.

d) Chỉ đạo Công ty CP Thủy điện Nậm He tổ chức vận hành nhà máy thủy điện Nậm He đúng quy trình, quy định, đảm bảo an toàn cho thiết bị, con người và công trình xây dựng. Tối ưu hóa quá trình vận hành máy móc thiết bị, đồng thời tìm mọi giải pháp để gia tăng sản lượng điện phát ra;

e) Giải quyết, chỉ đạo kịp thời các vấn đề trong hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng nhiệm vụ và thẩm quyền của HĐQT theo quy định của pháp luật cũng như quy định quản lý nội bộ của Công ty.

2. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS

a) Thù lao của HĐQT và BKS

- Tổng thù lao đã được ĐHĐCĐ phê duyệt: **276.000.000 đ**;

- Thù lao thực hiện năm 2025: **276.000.000 đ**. Chi tiết như sau:

TT	Chức danh	Mức thù lao (đồng/tháng)	Số người	Số tháng hưởng thù lao	Thành tiền
I	Thù lao HĐQT				192.000.000
1	Thành viên HĐQT không chuyên trách	4.000.000	4	12	192.000.000
II	Thù lao BKS				84.000.000
1	Trưởng Ban kiểm soát	3.000.000	1	12	36.000.000
2	Thành viên Ban kiểm soát	2.000.000	2	12	48.000.000
Cộng					276.000.000

b) Chi phí hoạt động của HĐQT

Trong năm 2025, chi phí cho các hoạt động chung của HĐQT gồm các chi phí văn phòng, phương tiện đi lại phục vụ cho các hoạt động của HĐQT. Các chi phí này được tính vào chi phí của Công ty theo qui định của pháp luật.

3. Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của HĐQT

Trong năm 2025, HĐQT đã tiến hành họp 04 lần, ngoài ra HĐQT đã tổ chức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để xem xét các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các thành viên HĐQT đều tham gia theo đúng quy chế, quy định và thể hiện trách nhiệm cao đối với vai trò của mình.

Các cuộc họp được tiến hành đúng trình tự và thủ tục, sau mỗi cuộc họp HĐQT đều ban hành các Nghị quyết, Quyết định để Tổng giám đốc triển khai thực hiện. Với các thông tin cần công bố theo quy định của Luật chứng khoán, Công ty cũng nghiêm túc thực hiện.

Trong năm qua, HĐQT đã ban hành 41 Nghị quyết và Quyết định để quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Danh sách các nghị quyết, quyết định cũng đã được Công ty công bố trong Báo cáo quản trị công ty theo quy định về công bố thông tin.

4. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị đã kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc. Hằng quý đều tổ chức các

cuộc họp và ban hành các Nghị quyết về kế hoạch sản xuất kinh doanh quý và kiểm điểm kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của quý trước. Yêu cầu Tổng giám đốc trình duyệt các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, sau khi được phê duyệt mới triển khai thực hiện.

Song song với sự kiểm tra, giám sát của HĐQT, Ban kiểm soát cũng định kỳ kiểm tra kết quả sản xuất kinh doanh và việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT đối với Tổng giám đốc.

Xét trên các khía cạnh trọng yếu, Hội đồng quản trị chưa thấy có gì bất thường trong công tác điều hành hoạt động SXKD của Tổng giám đốc Công ty trong năm 2025.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG NĂM 2026

1. Những thuận lợi và khó khăn

a) Thuận lợi

- Đảng, Nhà nước tiếp tục ưu tiên đặc biệt cho công tác đầu tư phát triển hạ tầng như: Giao thông, năng lượng, nhiều dự án đầu tư lớn đã được Chính phủ trình ra quốc hội.
- Chính phủ tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả trong công tác: Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm thúc đẩy phát triển và hỗ trợ doanh nghiệp trong tình hình mới.
- Thương hiệu và uy tín của Công ty Sông Đà 10 được Chủ đầu tư tín nhiệm qua việc thi công các công trình.
- Phần lớn sản lượng trong năm 2026 về cơ bản có hợp đồng. Năng lực thi công của Công ty đáp ứng tốt kế hoạch SXKD trong năm 2026.

b) Khó khăn

- Khó khăn trong tuyển dụng lao động ở một số thời điểm thiếu hụt lao động.
- Công nợ tồn đọng lớn và việc thu hồi rất khó khăn.
- Chủ đầu tư ngày càng đòi hỏi cao về chất lượng, tiến độ cũng như về giá thành.
- Tính cạnh tranh trên thị trường ngày càng cao.

2. Phương hướng hoạt động và nhiệm vụ

Với những thuận lợi, khó khăn và tình hình thực tế của Công ty, HĐQT đề ra phương hướng hoạt động và nhiệm vụ trong năm 2026 như sau:

- a) Thực hiện các giải pháp để hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 đã thông qua;
- b) Tổ chức triển khai thực hiện việc kiểm điểm về các giải pháp khắc phục các đánh giá và kiến nghị của Ban kiểm soát tại Báo cáo số/SĐ10-BKS ngày 02/04/2026;
- c) Tập trung hoàn thành các công việc theo các hợp đồng đã ký kết. Củng cố và nâng cao năng lực thi công, tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản lý, điều hành;
- d) Tiếp tục củng cố xây dựng đội ngũ làm công tác đấu thầu đủ mạnh để tham gia tiếp thị, đấu thầu các công trình thuộc thế mạnh của đơn vị, đảm bảo việc làm cho năm 2026 và các năm tiếp theo; Phối hợp chặt chẽ với Tổng công ty để tham gia tiếp thị, đấu thầu các công trình theo chiến lược tiếp thị, đấu thầu của Tổng công ty.
- e) Chủ động nghiên cứu công nghệ thi công tại công trình đường sắt tốc độ cao, nhà máy điện hạt nhân, ... để có kế hoạch chuẩn bị về xe máy, thiết bị, nhân lực;
- f) Tập trung thu vốn, thu hồi công nợ tại các công trình để giảm giá trị khối lượng

dở dang và công nợ; Tích cực bám sát, chỉ đạo công tác thanh/quyết toán tại các công trình đã thi công xong như: thủy điện XKM3, thủy điện Trạm Tấu; hầm Đèo Cả, thủy điện Namemoun, thủy điện NamPhak, hầm Sơn Triệu, hầm EA Trang, thủy điện Đắk Mi1...;

g) Tập trung nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội đầu tư dự án. Đối với đầu tư thiết bị thi công nâng cao năng lực cần phải lập dự án và tổ chức thực hiện theo đúng quy định của nhà nước, điều lệ công ty và Tổng công ty.

h) Thực hiện tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất và quản lý trên cơ sở: định biên nhân sự, sắp xếp lại tổ chức để đảm bảo SXKD có hiệu quả.

i) Xem xét nhu cầu, quyết định phương án đầu tư xe máy, thiết bị theo dự án.

j) Giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT và tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như quy định quản lý nội bộ của Công ty.

k) Thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

Trên đây là báo cáo của HĐQT về tình hình quản trị công ty trong năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ trong năm 2026. Kính đề nghị ĐHĐCĐ xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT.




**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

TRẦN TUẤN LINH



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Vv Kết quả thực hiện KH SXKD 5 năm giai đoạn 2021-2025 và
định hướng, nhiệm vụ SXKD 5 năm giai đoạn 2026-2031

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Sông Đà 10

Thực hiện công tác quản lý và chỉ đạo hoạt động SXKD của Công ty theo Điều lệ và Luật doanh nghiệp, HĐQT Công ty trân trọng báo cáo với Đại hội kết quả hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2021-2025 và định hướng hoạt động nhiệm kỳ 2026-2031 như sau:

PHẦN I: BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG HĐQT NHIỆM KỲ 2021-2025

1. Bối cảnh chung:

- Giai đoạn 2021-2025, Công ty CP Sông Đà 10 hoạt động trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và quốc tế có nhiều biến động phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp và sâu rộng đến lĩnh vực xây dựng. Thi công các công trình thủy điện và giao thông là lĩnh vực hoạt động chủ yếu của Công ty.
- Từ năm 2020-2022, đại dịch Covid19 diễn biến phức tạp đã tác động tiêu cực đến kết quả hoạt động SXKD của Công ty. Đại dịch đã làm gián đoạn chuỗi cung ứng vật tư, thiết bị, công tác huy động nhân lực và tổ chức thi công bị ảnh hưởng gây phát sinh chi phí, ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả SXKD và dòng tiền của Công ty. Công tác đấu thầu, tìm kiếm việc làm của Công ty cũng không triển khai được theo kế hoạch.
- Từ năm 2023 đến nay, mặc dù nền kinh tế bước vào giai đoạn phục hồi, Chính phủ đẩy mạnh đầu tư công, đặc biệt trong lĩnh vực hạ tầng giao thông và năng lượng, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp xây dựng. Tuy nhiên, việc tiếp cận và triển khai các dự án của Công ty vẫn gặp nhiều khó khăn do năng lực tài chính bị hạn chế, áp lực cạnh tranh lớn và yêu cầu ngày càng cao từ các Chủ đầu tư.
- Bên cạnh đó, Công ty CP Sông Đà 10 phải đối mặt với nhiều tồn tại kéo dài từ các giai đoạn trước, nổi bật là:
 - Công tác thu hồi công nợ tại một số dự án còn gặp nhiều vướng mắc, khó khăn, ảnh hưởng lớn đến khả năng cân đối dòng tiền của Công ty;
 - Tình hình tài chính khó khăn, khả năng tiếp cận nguồn vốn còn hạn chế, chi phí lãi vay và chi phí tài chính cao;
 - Khối lượng công việc và việc làm cho người lao động tại nhiều thời điểm chưa ổn định;
- Các khó khăn khác bao gồm:
 - Thị trường trong nước đối với ngành nghề chính của Công ty ngày càng thu hẹp, mức độ cạnh tranh cao dẫn đến giá trị sản lượng giảm, tỷ suất lợi nhuận đạt thấp.
 - Trong các năm gần đây nguồn nhân lực bị giảm về chất lượng và số lượng do có nhiều CBCNV có tay nghề đến tuổi nghỉ hưu, trong khi đó khả năng thu hút lao động mới của Công ty chưa đáp ứng kịp thời.

Trong bối cảnh đó, HĐQT đã tập trung chỉ đạo Ban Tổng giám đốc triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm ổn định hoạt động SXKD, cụ thể là: Tăng cường công tác thu hồi công nợ, cơ cấu lại tài chính, kiểm soát chi phí; Tổ chức sắp xếp lại các phòng ban Công ty và các đơn vị trực thuộc; tìm kiếm và mở rộng thị trường; nâng cao hiệu quả trong quản trị doanh nghiệp.

Với sự quan tâm, chỉ đạo của Tổng công ty Sông Đà, sự đồng hành của các cổ đông, Hội đồng quản trị cùng Ban Tổng giám đốc đã chỉ đạo, điều hành nỗ lực từng bước đưa Công ty vượt qua khó khăn, duy trì hoạt động SXKD, tạo nền tảng phát triển cho giai đoạn tiếp theo của Công ty.

2. Đánh giá kết quả hoạt động nhiệm kỳ 2021-2025

Trong nhiệm kỳ 2021-2025, HĐQT đã tích cực chỉ đạo, triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của Pháp luật.

2.1 Về tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị:

HĐQT nhiệm kỳ 2021-2025 có 05 thành viên, không có sự biến động nào về nhân sự, đảm bảo ổn định và liên tục bao gồm:

- | | |
|-------------------------|--------------------------------------|
| - Ông Trần Tuấn Linh | - Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Nguyễn Tuấn Anh | - TV HĐQT, Tổng giám đốc Công ty |
| - Ông Phạm Hoàng Phương | - TV HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty |
| - Ông Phạm Văn Tăng | - TV HĐQT |
| - Ông Đỗ Đức Mạnh | - TV HĐQT |

Các hoạt động chính của HĐQT trong nhiệm kỳ:

- Tổ chức thành công 05 cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên đúng quy định về thời gian, trình tự và nội dung. Qua đó, đánh giá tổng kết hoạt động của từng năm cũng như thông qua kế hoạch hoạt động của các năm tiếp theo;
- Duy trì tổ chức các phiên họp HĐQT hàng quý để xem xét, đánh giá kết quả hoạt động SXKD hàng quý của Công ty, từ đó đưa ra các quyết định chỉ đạo kịp thời tạo điều kiện cho Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ;
- Ban hành các Nghị quyết, Quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm chỉ đạo, điều hành các hoạt động của Công ty;
- Thường xuyên thực hiện công tác giám sát, chỉ đạo Ban điều hành trong các hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo tính tuân thủ và hiệu quả đối với các vấn đề mà ĐHĐCĐ và HĐQT đã thông qua.
- Phối hợp với BKS thực hiện các chương trình kiểm tra, kiểm toán toàn diện. Thường xuyên trao đổi với BKS, Ban điều hành để nắm rõ tình hình và đưa ra giải pháp hỗ trợ giúp Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ.

2.2 Đánh giá hoạt động của Công ty giai đoạn 2021-2025

a. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị	KH 2021-:-2025		TH 2021 -:-2025		TH/KH (%)	
			Tổ hợp	C.ty mẹ	Tổ hợp	C.ty mẹ	Tổ hợp	C.ty mẹ
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	6.810,00	5.600,00	4.111,26	3.818,27	60,4	68,2

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị	KH 2021-:-2025		TH 2021 -:-2025		TH/KH (%)	
			Tổ hợp	C.ty mẹ	Tổ hợp	C.ty mẹ	Tổ hợp	C.ty mẹ
2	Doanh số	10 ⁹ đ	6.815,00	5.600,00	4.266,03	3.966,16	62,6	70,8
3	Doanh thu	10 ⁹ đ	6.197,00	5.091,00	4.054,69	3.781,34	65,4	74,3
4	LN trước thuế	10 ⁹ đ	255,80	266,30	62,31	64,60	24,4	24,3
5	Nộp nhà nước	10 ⁹ đ	510,41	358,50	189,17	118,47	37,1	33,0

b. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ giai đoạn 2021-2026:

Ngoài các nguyên nhân nêu tại mục 1, một số nguyên nhân khách quan khác ảnh hưởng đến kết quả SXKD như:

- Một số dự án Công ty dự kiến đấu thầu đã bị chậm triển khai thực hiện từ phía Chủ đầu tư như: Thủy điện tích năng Bác Ái, kho ngầm chứa dầu Dung Quất dẫn đến sản lượng thực hiện của Công ty trong giai đoạn này bị sụt giảm khoảng 3.000 tỷ đồng. Trong đó năm 2024 và năm 2025 là khoảng 1.200 tỷ đồng.
- Một số dự án Công ty đã ký hợp đồng nhưng Chủ đầu tư chậm bàn giao mặt bằng như: Cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuật, cao tốc Nội Bài – Lào Cai, Hòa Bình – Mộc Châu.

Mặc dù hầu hết các chỉ tiêu không đạt kết quả như kế hoạch nhưng với sự cố gắng nỗ lực của toàn thể CBCNV và sự chỉ đạo quyết liệt của Lãnh đạo các cấp nên Công ty đã cơ bản đảm bảo được sự ổn định trong hoạt động SXKD và từng bước đưa Công ty vượt qua khó khăn, duy trì hoạt động SXKD, tạo nền tảng phát triển cho giai đoạn tiếp theo của Công ty, cụ thể:

- Tình hình nợ được cải thiện, không còn nợ quá hạn ngân hàng, bảo hiểm, thuế...
- Thu nhập của người lao động ổn định và vượt kế hoạch.
- Năng suất lao động ngày một nâng cao.
- Hoàn thành tốt các mục tiêu tiến độ và chất lượng tại các công trình, được Chủ đầu tư đánh giá cao.
- Công tác tiếp thị đấu thầu, tìm kiếm việc làm luôn được trú trọng và ngày càng được cải thiện. Riêng năm 2025 Công ty đã tham gia đấu thầu và trúng thầu với tổng giá trị là 1.340,672 tỷ đồng, bao gồm các dự án/gói thầu sau:
 - Thi công xây lắp công trình nhà máy thủy điện tích năng Bác Ái giai đoạn 2 đợt 1 thuộc Dự án thủy điện tích năng Bác Ái (nhà thầu phụ cho TCT Sông Đà và TCT Vinaconex: 698,776 tỷ đồng.
 - Gói thầu XL1-NBLC: Thi công mở rộng đoạn Km123+080 - Km190+420 - Dự án xây dựng mở rộng đoạn Yên Bái - Lào Cai thuộc tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai: 594,566 tỷ đồng.
 - Mở rộng hầm nhánh trái, hầm đường bộ Sơn Triệu thuộc dự án đường cao tốc Bắc Nam đoạn Quy Nhơn – Chí Thạnh: 47,239 tỷ đồng.

PHẦN II: ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2026-2031

1. Mục tiêu tổng quát:

- Khẳng định vị thế hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực xây dựng công trình ngầm với công nghệ thi công hiện đại.
- Phát triển bền vững theo hướng chuyên nghiệp hóa, hiện đại hóa các dịch vụ xây lắp. Lấy hiệu quả kinh tế, sự phát triển bền vững của doanh nghiệp làm nhiệm vụ trọng tâm, đảm bảo hài hòa các lợi ích: Nhà nước, khách hàng, cổ đông và người lao động. Đóng góp ngày càng nhiều lợi ích cho cuộc sống con người và xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể:

Đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững của công ty, giữ vững thương hiệu là doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực xây dựng các công trình ngầm, với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Doanh thu: 6.125,05 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế: 131,23 tỷ đồng; Nộp ngân sách nhà nước: 342,56 tỷ đồng.
- Tốc độ tăng trưởng trung bình 10%/năm.
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu trung bình 1-2%.
- Mô hình quản lý tối ưu, chuyên nghiệp, trình độ quản lý tiên tiến.
- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu.
- Chất lượng nguồn nhân lực và trình độ quản lý ngày càng được nâng cao.
- Xe máy, thiết bị và công nghệ thi công ngày càng tân tiến.

3. Nhiệm vụ chính:

3.1 Về việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ HĐQT:

- HĐQT với các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, thực hiện lãnh đạo, chỉ đạo Công ty thực hiện hiệu quả các Nghị quyết ĐHĐCĐ.
- Thực hiện công tác quản lý, điều hành thông qua việc ban hành kịp thời các Nghị quyết, Quyết định theo thẩm quyền của HĐQT.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát và hỗ trợ ban điều hành hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD của Công ty.

3.1 Về công tác quản trị:

- Duy trì chế độ họp thường kỳ và họp chuyên đề đề:
 - Thông qua kế hoạch SXKD;
 - Xem xét và kịp thời ban hành các quy chế, quy định, quyết định phục vụ cho công tác quản lý, điều hành;
 - Kịp thời giải quyết các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và công bố thông tin định kỳ, bất thường theo quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty.

3.3 Về công tác chỉ đạo, điều hành để hoàn thành mục tiêu KH SXKD

- Xây dựng và thực hiện có hiệu quả đề án tái cấu trúc, chiến lược kinh doanh của công ty giai đoạn năm 2026-2031.
- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý, điều hành công ty.
- Tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế của KH 5 năm 2026-2031.
- Tiếp tục xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để đảm bảo năng lực thực hiện nhiệm vụ trong môi trường cạnh tranh và hội nhập quốc tế.
- Đầu tư nâng cao năng lực thi công và đổi mới công nghệ đảm bảo các công nghệ thi công của Công ty luôn tân tiến đáp ứng được các yêu cầu của thị trường, có khả năng cạnh tranh cao.
- Đảm bảo đủ vốn cho công tác SXKD và đầu tư; Đa dạng hóa kênh huy động vốn, thực hiện tốt việc thoái vốn các khóa đầu tư không hiệu quả và đẩy mạnh công tác nghiệm thu thanh toán, thu hồi công nợ.
- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý điều hành, thiết kế, thi công. Tích cực triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty.
- Vận hành có hiệu quả quy trình, chính sách quản trị rủi ro ở tất cả các cấp của công ty trên cơ sở tuân thủ bộ tiêu chuẩn quốc gia về quản trị rủi ro: TCVN ISO 31000:2009 và ISO 31000:2011. Duy trì và vận hành tốt hệ thống quản lý chất lượng, quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO.
- Đẩy mạnh công tác tiếp thị đấu thầu đảm bảo tìm kiếm đủ việc làm theo KH giai đoạn 2026-2030 và phần việc gói đầu cho các năm tiếp theo. Các dự án, công trình cần theo dõi, bám sát giai đoạn này bao gồm:
 - Các dự án thủy điện trong nước: Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc phê duyệt Quy hoạch điện VIII: Phê duyệt phát triển điện lực Quốc gia giai đoạn 2021 -2030 và tầm nhìn đến 2050 của Thủ tướng chính phủ, Công ty sẽ tiến hành tiếp cận các dự án như: Thủy điện tích năng Phước Hòa công suất 1.200 MW (2026 - 2030); Thủy điện Buôn Kóp MR 140MW (2026-2030); thủy điện Sông Hinh MR 70MW (2026-2030); Các dự án thủy điện khác: Sơn La mở rộng; Lai châu mở rộng, Huội Quảng mở rộng...
 - Các dự án thủy điện tại nước CHDCND Lào: Thủy điện Nam Ang; Thủy điện Tadsakhoi..
 - Các dự án đường sắt: Căn cứ Quyết định số 1769/QĐ-TTg của thủ tướng chính phủ ngày 19/10/2021 về việc Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, Công ty sẽ tập trung chủ yếu vào tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, tuyến đường sắt tốc độ cao tốc Bắc Nam và một số dự án khác.
 - Các dự án công nghiệp: Tiếp tục theo dõi bám sát kế hoạch triển khai đầu tư xây dựng kho ngầm chứa dầu Dung Quất công suất 1.000.000 theo CV 845/TTg – KTN ngày 23/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Duy trì và phát huy nét đẹp truyền thống văn hóa Sông Đà, đặc biệt coi trọng nâng cao văn hóa lãnh đạo, quản lý, văn hóa kinh doanh, đạo đức nghề nghiệp trong các tập thể và mọi CBCNV Công ty.

Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động của HĐQT Công ty CP Sông Đà 10 nhiệm kỳ 2021-2025 và định hướng hoạt động nhiệm kỳ 2026-2031. HĐQT nhận thức rõ những khó khăn, tồn tại và thách thức phía trước, đồng thời tin tưởng rằng với sự quan tâm chỉ đạo của Tổng công ty Sông Đà, sự đồng hành của các cổ đông, cùng với quyết tâm của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ, người lao động, Công ty sẽ tiếp tục ổn định, từng bước khắc phục tồn tại, nâng cao hiệu quả hoạt động và phát triển bền vững trong thời gian tới.

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



TRẦN TUẤN LINH





Số: 02/SE10-BKS

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2026

CÔNG TY
CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 10

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY

(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026)

Kính gửi: Quý vị Cổ đông của Công ty CP Sông Đà 10.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát (BKS) theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 10 báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 kết quả hoạt động của Ban trong năm 2025 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025:

1. Cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần Sông Đà 10 gồm 3 thành viên:

- Bà Lê Thị Mai Hương – Trưởng ban kiểm soát không chuyên trách.
- Ông Nguyễn Văn Thanh – Kiểm soát viên kiêm nhiệm
- Bà Vũ Thị Tố Nga – Kiểm soát viên kiêm nhiệm.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2025, BKS đã tiến hành hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật DN, Điều lệ Công ty, Quy chế TC&HD của Ban KS. BKS đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; triển khai kiểm tra, giám sát hoạt động của công ty thường xuyên.

Các hoạt động của Ban kiểm soát và các thành viên tuân thủ quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Qua một năm hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ, BKS đã hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao.

II. Kết quả hoạt động của công ty năm 2025:

Trên cơ sở thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành do Công ty cung cấp, các thành viên BKS đã thực hiện các công việc kiểm tra, soát xét và đưa ra nhận xét, đánh giá như sau:

1. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025:

1.1. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Năm 2025, Công ty vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong công tác thu hồi công nợ và tìm kiếm việc làm, mặc dù vậy, HĐQT và Tổng giám đốc công ty đã nỗ lực chỉ đạo công tác sản xuất kinh doanh, nghiệm thu thanh toán thu hồi công nợ,... và đã đạt được kết quả như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % HT
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	1.161	747,6	64%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.043	722,5	69%

AtZ

TT	Chỉ tiêu	DVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % HT
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	21,74	14,6	67%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	17,39	11,6	67%
5	Tỷ suất LN/DT	%	2,10	2,02	96%
6	Lợi nhuận sau thuế/Vốn ĐL	%	4,07	2,72	67%
7	Tổng tài sản	Tỷ đồng		1.654,41	
8	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng		815,88	

Các chỉ tiêu về giá trị SXKD không đạt kế hoạch, nguyên nhân do: (i) Sản lượng không đạt kế hoạch; (ii) Tại công trình Hòa Bình Mộc Châu chưa triển khai thi công do vướng mắc về giải phóng mặt bằng; (iii) Một số công trình chưa thu được như công trình Đèo Cả, Trạm Tàu, Xê ka mản 3 giai đoạn 1, Xekaman 1...

- Tất cả các chỉ tiêu về SXKD: doanh thu, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận không đạt kế hoạch năm 2025, nguyên nhân do: sản lượng không đạt kế hoạch.

Trong năm 2025, Công ty đã tích cực tìm kiếm việc làm và đã ký được các hợp đồng mới với giá trị 1.340,6 tỷ đồng, Cụ thể: Gói thầu thi công NM thủy điện tích năng Bắc Ái với giá trị 698,776 tỷ đồng; Gói thầu mở rộng đoạn Yên Bái – Lào Cai với giá trị 594,566 tỷ đồng; Phụ lục hợp đồng hầm Sơn Triệu 47,23 tỷ đồng.

1.2. Kết quả kinh doanh – Quản lý giá thành – Chi phí quản lý:

a) Kết quả kinh doanh

- Doanh thu năm 2025 là 722,5 tỷ đồng và đạt 69% kế hoạch năm; lợi nhuận là 14,6 tỷ đồng và đạt 67% kế hoạch năm.

- Lợi nhuận trước thuế là 14,6 tỷ đồng và đạt 67% kế hoạch năm, hoạt động SXKD không hoàn thành kế hoạch năm. Một số công trình ghi nhận kết quả lỗ năm 2025: Nậm Park; Xekaman 3, Đăkmi 1; TĐ Lai Châu lỗ do phải trả Sông Đà 7 tiền bê tông lẹm; TĐ Nậm He....04/06 xí nghiệp báo lỗ trong năm.

b) Chi phí quản lý

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2025 là 50,74 tỷ đồng chiếm 7,09% doanh thu thuần và giảm 33,512 tỷ đồng so với năm 2024 (84,25 tỷ đồng) và tương ứng mức giảm là 39,8% do trong năm 2024 riêng trích lập dự phòng phải thu là 35 tỷ đồng.

1.3. Về đầu tư tài chính, đầu tư máy móc thiết bị

a) Tình hình đầu tư tài chính:

- Công ty mẹ đầu tư trực tiếp vào 02 công ty con, 04 công ty khác với giá trị đầu tư đến ngày 31/12/2025 là 138,166 tỷ đồng, trong đó có 02 công ty kinh doanh không hiệu quả. Năm 2025 Công ty TNHH đầu tư BT Cam Lộ Túy Loan đã góp thêm số tiền 1,069 tỷ đồng.

- Tại thời điểm 31/12/2025, lũy kế trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư là 69,4 tỷ đồng. Gồm khoản trích lập dự phòng tại CTCP thủy điện Nậm He là

66,4 tỷ đồng/giá trị đầu tư 66,4 tỷ đồng (tỷ lệ trích lập 100% giá trị đầu tư); dự phòng tại CTCP cao su Phú Riềng Kratie 3 tỷ đồng/giá trị đầu tư 3 tỷ đồng (tỷ lệ trích lập 100% giá trị đầu tư).

- Tình hình hoạt động tại 02 công ty con năm 2025:

Tại CTCP Sông Đà 10.1: Tổng doanh thu bán hàng và hoạt động tài chính, khác năm 2025 là 199,45 tỷ đồng; lãi trong năm là 61,66 tỷ đồng; lãi chưa phân phối lũy kế đến ngày 31/12/2025 là 0,291 tỷ đồng (tại thời điểm 31/12/2024 lỗ là 59,2 tỷ đồng). Trong năm 2025, công ty ghi nhận khoản thu nhập khác 99,516 tỷ đồng từ giảm chi phí lãi vay trong hạn và quá hạn từ BIDV Gia Lai. Dự nợ gốc vay tại thời điểm 31/12/2025 là 0 tỷ đồng (dự nợ đầu năm 1/1/2025 là 65,3 tỷ đồng). Như vậy tình hình tài chính của công ty được cải thiện rõ, chi phí tài chính giảm do tất toán toàn bộ khoản vay, kinh doanh có lãi và hết lỗ lũy kế.

Tại CTCP thủy điện Nậm He: Tổng doanh thu bán hàng và hoạt động tài chính, khác năm 2025 là 55,72 tỷ đồng; lỗ trong năm là 8,67 tỷ đồng (trong năm công ty trích lập dự phòng phải thu 2,52 tỷ đồng – Tiền tạm ứng dự án của 4 cá nhân; xử lý tài sản thiếu chờ xử lý 9,829 tỷ đồng); lỗ lũy kế đến 31/12/2025 là 159,59 tỷ đồng và lỗ vượt 1,38 lần vốn điều lệ (vốn điều lệ là 115,5 tỷ đồng); vốn chủ sở hữu âm 44 tỷ đồng. Dự nợ vay đến 31/12/2025 là 190,3 tỷ đồng, trong 3 tháng đầu năm 2026 đã trả nợ vay 5,7 tỷ đồng. Như vậy dự nợ đến 02/4/2026 là 184,6 tỷ đồng.

- Tình hình chi trả cổ tức:

Năm 2020 là 4% chưa thực hiện chốt danh sách chi trả.

Năm 2021, 2022, 2023 và 2024: Công ty không chia cổ tức do lợi nhuận của Công ty mẹ trên Báo cáo tài chính hợp nhất các năm này bị lỗ.

b) *Tình hình đầu tư:*

- Trong năm 2025 công ty không thực hiện đầu tư/Kế hoạch 21,12 tỷ đồng.

- Việc thực hiện đầu tư không đạt kế hoạch do trong năm 2025 lượng máy móc thiết bị sẵn có đáp ứng được tiến độ thi công vì vậy công ty chủ động giãn tiến độ đầu tư.

1.4. Tình hình vay và trả nợ ngân hàng

- Trong năm 2025, số tiền giải ngân là 388,72 tỷ đồng; số tiền trả nợ là 463,9 tỷ đồng.

- Dự nợ vay tại các tổ chức tín dụng đến 31/12/2025 là 172,9 tỷ đồng. Lãi vay tài chính năm 2025 là 15,96 tỷ đồng.

+ Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn đến 31/12/2025 là 170,72 tỷ đồng (trong đó: vay ngân hàng là 169,29 tỷ đồng; vay dài hạn đến hạn trả là 1,4 tỷ đồng).

+ Vay dài hạn đến 31/12/2025 là 2,18 tỷ đồng

+ Dự nợ vay năm 2025 đã giảm đáng kể (78,87 tỷ đồng).

1.5. Về công tác kế toán và thẩm định báo cáo tài chính năm 2025:

- Công ty đã tuân thủ các yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán trong việc tổ chức công tác kế toán, thực hiện hạch toán kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý. Các báo cáo tài chính cũng được công bố kịp thời theo quy định hiện hành đối với công ty niêm yết.

- Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 632/2026/UHY-BCKT ngày 30/3/2026 do Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY - đơn vị kiểm toán có ý kiến vẫn đề cần nhấn mạnh: “Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 33.2 của bản Thuyết minh báo cáo tài chính, các khoản công nợ phải thu khách hàng và chi phí phí sản xuất dở dang liên quan đến Công trình Thủy điện Xekaman 3 lần lượt là 181.298.300.671 đồng (tại ngày 01/01/2025: 181.298.300.671, đồng) và 12.207.337.000 đồng (tại ngày 01/01/2025: 12.207.337.000 đồng). Đây là các khoản công nợ phải thu và chi phí phí sản xuất dở dang tồn tại từ nhiều năm trước, các hạng mục dở dang vẫn đang được các bên nghiệm thu, trong năm 2025 các tồn tại này vẫn đang chờ được giải quyết”.

Ban kiểm soát thống nhất với các số liệu trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp lập tại thời điểm 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY.

Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2025: (Đvt:vnd)

TT	Chỉ tiêu	31/12/2025	01/01/2025
1	Tổng tài sản	1.654.405.444.221	1.629.318.424.311
	- Tài sản ngắn hạn	1.323.579.048.064	1.399.707.156.618
	- Tài sản dài hạn	330.826.396.157	229.611.267.693
2	Nguồn vốn	1.654.405.444.221	1.629.318.424.311
	- Nợ phải trả	838.516.767.975	825.070.508.911
	- Nguồn vốn chủ sở hữu	815.888.676.246	804.247.915.400

Các chỉ tiêu tài chính năm 2025:

TT	Các chỉ số	Năm 2025	Năm 2024
1	Bố trí cơ cấu vốn		
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	0,51 lần	0,51 lần
	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,03 lần	1,03 lần
	Nợ vay ngân hàng/Vốn chủ sở hữu	0,21 lần	0,31 lần
2	Khả năng thanh toán		
	Khả năng thanh toán tổng quát	1,97 lần	1,97 lần
	Khả năng thanh toán hiện hành	1,60 lần	1,72 lần
	Khả năng thanh toán nhanh	1,34 lần	1,42 lần
3	Hiệu suất sử dụng vốn		
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	1,61%	0,68%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,70%	0,41%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	2,72%	1,58%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	1,43%	0,84%

- So sánh các chỉ tiêu năm 2025 với năm 2024, các chỉ tiêu về bố trí cơ cấu tài sản nguồn vốn điều chỉnh nhẹ và chỉ số nợ vay ngân hàng cải thiện do công ty đã giảm tối đa dư nợ tín dụng.

- Về các chỉ tiêu hiệu quả sử dụng vốn: Các chỉ số về hiệu quả sử dụng vốn năm 2025 đã tăng nhẹ so với năm 2024 và đạt ở mức bảo toàn.

1.6. Về giá trị khối lượng dở dang

Handwritten signature

- Giá trị dở dang đến thời điểm 31/12/2025: 188,83 tỷ đồng và giảm 23,83 tỷ đồng so với đầu năm. Một số công trình dở dang: Đăkmi 1 lỗ 8,28 tỷ đồng; Xekaman 3 lỗ 0,38 tỷ đồng. Đây là khoản lỗ tiềm ẩn sẽ thành hiện thực khi công trình kết thúc.

Trong năm qua, việc giải quyết các giá trị khối lượng dở dang tồn tại lâu ngày như đã nêu chưa có chuyển biến tích cực, đặc biệt có một số khoản công nợ sẽ chuyển sang lỗ tại một số dự án như: thủy điện Hòa Na; Thủy điện Bản Vẽ. Ngoài ra tại các dự án khác như Xekaman 3, Ngòi hút Vũng Áng,... và một số dự án khác có công nợ kéo dài khó thu hồi.

1.7. Tình hình công nợ và thu hồi vốn

- **Tổng công nợ phải thu khách hàng đến 31/12/2025 là 706,9 tỷ đồng giảm 126,41 tỷ đồng so với đầu năm.** Trong năm 2025, Công ty đã thu hồi được một số công trình đã phát sinh lâu như CT Nậm Emoun: 55,2 tỷ đồng; CT Xekaman 3: 18,01 tỷ đồng; CT TĐ Nậm Chiến là 5,3 tỷ đồng; CT thủy điện Lai Châu là 4,02 tỷ đồng; CT Thủy điện Đăkrinh: 4 tỷ đồng;... nên đã có tác động tích cực đến tình hình tài chính của công ty và đảm bảo vốn phục vụ SXKD.
- Tuy nhiên vẫn còn một số khoản công nợ lớn, khó thu và dẫn đến rủi ro tài chính (CT Xekaman 3 là 181,29 tỷ đồng; CT Đèo Cả 71,81 tỷ đồng; CT thủy điện Nậm He là 111,62 tỷ đồng; CT Trạm Tầu 46,6 tỷ đồng).
- Công nợ tạm ứng đến 31/12/2025 là 8,45 tỷ đồng (riêng Xí nghiệp 10.3 dư tạm ứng 7,82 tỷ đồng). Một số cá nhân dư nợ gần như không thay đổi và có giảm thì không đáng kể so với năm 2025.

Công tác đối chiếu công nợ và lập dự phòng:

- Các khoản nợ phải thu được theo dõi, phân loại theo hạn nợ, tuổi nợ tuy nhiên việc trích lập dự phòng chưa đảm bảo theo quy định.
- Trong năm 2025, Công ty trích lập dự phòng 0,239 tỷ đồng.
- Tổng số trích lập dự phòng phải thu khó đòi đến 31/12/2025 là 46,47 tỷ đồng trong đó trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản đặt cọc 35 tỷ đồng tại CTCP ĐT Hải Thạch BOT. Căn cứ tình hình nợ phải thu quá hạn nêu trên, khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại thời điểm 31/12/2025 là rất nhỏ so với giá trị cần phải trích lập theo quy định.

1.9 Tình hình nộp ngân sách

- Thuế phải nộp đến 31/12/2025 là 7,19 tỷ đồng, trong đó thuế TNDN là 4,1 tỷ đồng; thuế thu nhập cá nhân là 1,8 tỷ đồng; Thuế GTGT là 1,28 tỷ đồng. Trong quý 1/2026, Công ty đã nộp 3 tỷ thuế TNDN và 0,7 tỷ thuế GTGT.
- BHXH phải nộp đến 31/12/2025 là 1,15 tỷ đồng, Công ty đã nộp toàn bộ số nợ này vào NSNN trong quý 1/2026.

2. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác:

- Hội đồng quản trị đã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông kịp thời, các thành viên HĐQT thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra và nắm bắt tình hình các mặt hoạt động của doanh nghiệp và chỉ đạo cụ thể các vấn đề phát sinh.

- Các nghị quyết của HĐQT ban hành đúng với chức năng và thẩm quyền của HĐQT và có nội dung phù hợp với chủ trương và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều lệ công ty.
- Trong năm 2025 Hội đồng quản trị đã ban hành 41 nghị quyết và quyết định, trong đó gồm nghị quyết – quyết định trong lĩnh vực đấu thầu mua sắm máy móc thiết bị; lĩnh vực tài chính tín dụng; tổ chức nhân sự; Quy chế nội bộ; đấu thầu nhận thầu thi công và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền HĐQT.
- Công tác điều hành sản xuất mặc dù rất nhiều khó khăn, do thi công dần trải trên nhiều địa bàn nhưng cũng đã kịp thời nhanh chóng, các công trình dự án đều đảm bảo tiến độ, đạt yêu cầu về kỹ thuật;
- Công tác quản lý và hạch toán kế toán tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của Nhà nước.
- Nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư mặc dù rất khó khăn nhưng cũng đã được đảm bảo. Các khoản vay được Công ty sử dụng đúng mục đích.
- Vấn đề tìm kiếm việc làm được quan tâm nên kết quả công tác tiếp thị, đấu thầu năm 2025 đã đạt được kết quả khả quan.

3. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty

Năm 2025, Ban Kiểm soát được Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc tại điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp thông tin về tình hình hoạt động của công ty. Phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý, điều hành và kiểm soát hoạt động SXKD của công ty.

Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị (khi được mời), tham gia ý kiến theo chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

Năm 2025, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã nỗ lực duy trì sự ổn định, khắc phục những tồn tại và cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 biểu quyết thông qua. Để công ty hoạt động hiệu quả trong năm 2026, Ban Kiểm soát kiến nghị một số vấn đề với Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty như sau:

- Xây dựng giải pháp quản trị rủi ro đối với các khoản công nợ phải thu, rủi ro trong quyết toán giảm sản lượng, doanh thu tại các công trình thi công, đánh giá toàn bộ sản lượng dở dang phù hợp với chi phí dở dang. Xem xét việc phân loại công nợ và thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản công nợ.
- Khẩn trương quyết toán dứt điểm các công trình (Nậm Phak, Nậm Emoun, Yaly mở rộng, Sơn Triệu, Đăk Mi 1, Mũi Trâu). Kịp thời giải quyết với các Chủ đầu tư và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc phê duyệt dự toán, quyết toán, các chế độ chính sách liên quan để đảm bảo quyền lợi của Công ty.
- Cân đối vốn để chi trả cổ tức năm 2020.
- Tiếp tục tìm kiếm đối tác để thoái vốn tại CTCP TĐ Nậm He, rà soát lại hoạt động của Xí nghiệp hoạt động không hiệu quả đồng thời xây dựng phương án tái cấu trúc.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2026

- Thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp.
- Triển khai định kỳ công tác thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng, báo cáo năm;
- Tổ chức kiểm tra giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, việc chấp hành Điều lệ công ty của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các đơn vị trực thuộc và các phòng ban chức năng trong Công ty;
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên các hoạt động của Công ty thông qua các quyết định của HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty.
- Giám sát việc thực hiện các khuyến nghị của Đoàn thanh kiểm tra (nếu có).
- Thực hiện các công việc khác của Ban kiểm soát theo Luật doanh nghiệp.
- Rà soát và hoàn thiện các quy chế quản trị nội bộ của Công ty đảm bảo phù hợp với thực trạng SXKD và những thay đổi của pháp luật chuyên ngành liên quan.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả SXKD, hoạt động của BKS năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các cổ đông (B/c);
- HĐQT, TGD, TV BKS;
- Ban Kiểm soát (lưu).

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lê Thị Mai Hương



TỜ TRÌNH
Về việc phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp;

Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2025.

Hội đồng quản trị xây dựng phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận các năm trước chuyển sang	21.042.561.982	
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2025 của Công ty mẹ	11.640.760.846	
3	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	32.683.322.828	(= 1+2)
4	Phương án phân phối lợi nhuận	26.546.462.200	
4.1	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	18.000.000.000	
4.2	Dự kiến chia cổ tức	8.546.462.200	
	- Vốn điều lệ	427.323.110.000	
	- Tỷ lệ cổ tức	2%	
	- Số tiền chia cổ tức	8.546.462.200	
5	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm sau	6.136.860.628	(=3-4)

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu VT.



TRẦN TUẤN LINH

TỜ TRÌNH

**Về việc quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2025
và kế hoạch thù lao năm 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Căn cứ Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

Căn cứ kết quả SXKD năm 2025.

Hội đồng quản trị kính đề nghị ĐHĐCĐ xem xét, thông qua quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch thù lao HĐQT, BKS năm 2026 như sau:

1. Quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2025

- Tổng thù lao đã được ĐHĐCĐ phê duyệt: **276.000.000 đ**;
- Thù lao thực hiện năm 2025: **276.000.000 đ**. Chi tiết như sau:

TT	Chức danh	Mức thù lao (đồng/tháng)	Số người	Số tháng được hưởng	Thành tiền
I	Thù lao HĐQT				192.000.000
1	Thành viên HĐQT	4.000.000	4	12	192.000.000
II	Thù lao BKS				84.000.000
1	Trưởng Ban kiểm soát	3.000.000	1	12	36.000.000
2	Thành viên Ban kiểm soát	2.000.000	2	12	48.000.000
Cộng					276.000.000

2. Kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS năm 2026

TT	Chức danh	Mức thù lao (đồng/tháng)	Số người	Số tháng được hưởng	Thành tiền
I	Thù lao HĐQT				192.000.000
1	Thành viên HĐQT	4.000.000	4	12	192.000.000
II	Thù lao BKS				84.000.000
1	Trưởng Ban kiểm soát	3.000.000	1	12	36.000.000
2	Thành viên Ban kiểm soát	2.000.000	2	12	48.000.000
Cộng					276.000.000

- Thời gian áp dụng: từ ngày 01/01/2026.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT.



TRẦN TUẤN LINH



**CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 10**

Số 03/ATTr-BKS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 14/6/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Quyết định 3830/QĐ-BTC ngày 14/11/2025 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026;
- Quyết định số 902/QĐ-UBCK ngày 19/11/2025 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận Tổ chức kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026 (đối với Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam, Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C);

Để đảm bảo yêu cầu về chất lượng báo cáo và tiến độ công khai báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty cổ phần Sông Đà 10, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua:

1. Danh sách 03 (năm) Công ty kiểm toán độc lập thuộc danh sách được Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty, bao gồm:

- Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY;
- Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C;
- Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam.

2. Ủy quyền cho HĐQT Công ty cổ phần Sông Đà 10 lựa chọn một trong những đơn vị kiểm toán thuộc danh sách trên được Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV BKS;
- Lưu: VP cty, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Lê Thị Mai Hương

Số: 08 /TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc Ủy quyền cho HĐQT phê duyệt các hợp đồng/giao dịch giữa Công ty CP Sông Đà 10 với người có liên quan thuộc thẩm quyền chấp thuận của ĐHĐCĐ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp;

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Sông Đà 10;

Theo Điều 167 Luật doanh nghiệp, một số hợp đồng/giao dịch giữa Công ty CP Sông Đà 10 với Tổng Công ty Sông Đà (cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty) và những người liên quan của TCT Sông Đà phải được ĐHĐCĐ chấp thuận.

Do vậy, để đáp ứng yêu cầu pháp lý và kịp thời trong việc ký kết, thực hiện các hợp đồng trên, Công ty CP Sông Đà 10 kính đề nghị ĐHĐCĐ xem xét nội dung thảo luận và đề nghị của Công ty CP Sông Đà 10 như sau:

(Chi tiết DỰ THẢO NỘI DUNG THẢO LUẬN VỀ VẤN ĐỀ HỢP ĐỒNG THUỘC THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT CỦA ĐHĐCĐ kèm theo)

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu VT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



TRẦN TUẤN LINH



DỰ THẢO NỘI DUNG THẢO LUẬN
VỀ VẤN ĐỀ HỢP ĐỒNG THUỘC THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT CỦA ĐHĐCĐ TẠI
CUỘC HỌP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2026 CỦA CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 10
(Kèm theo tờ trình số 08 TT-HĐQT ngày 02/04/2026)

Vấn đề: Đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc ủy quyền cho HĐQT phê duyệt các hợp đồng/giao dịch giữa Công ty CP Sông Đà 10 với TCT Sông Đà và những người liên quan của TCT Sông Đà (người có liên quan của Công ty) thuộc thẩm quyền chấp thuận của ĐHĐCĐ

1. Dự thảo nội dung thảo luận:

- a. ĐHĐCĐ chấp thuận chủ trương cho phép Công ty CP Sông Đà 10 ký kết các hợp đồng, giao dịch với TCT Sông Đà – CTCP và những người liên quan của TCT Sông Đà (là người có liên quan của Công ty) thuộc thẩm quyền phê duyệt của ĐHĐCĐ trong năm tài chính 2026 và cho đến kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên tiếp theo. Các loại hình hợp đồng/giao dịch bao gồm nhưng không giới hạn ở:
 - (i) Hợp đồng xây lắp;
 - (ii) Hợp đồng mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ;
 - (iii) Hợp đồng thuê/cho thuê tài sản, văn phòng;
 - (iv) Hợp đồng vay, mượn tài sản và các giao dịch kinh doanh khác phù hợp với ngành nghề của Công ty.
- b. ĐHĐCĐ thống nhất ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc sau:
 - (i) Xem xét, thẩm định và phê duyệt các điều khoản, điều kiện cụ thể của từng hợp đồng, giao dịch được quy định tại khoản 3 Điều 176 Luật doanh nghiệp (bao gồm cả các hợp đồng có giá trị $\geq 35\%$ tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trên báo cáo tài chính gần nhất) phát sinh với TCT Sông Đà và những người liên quan của TCT Sông Đà.
 - (ii) Quyết định việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc chấm dứt các hợp đồng, giao dịch nêu trên.
 - (iii) Cử người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện ký kết và triển khai các hợp đồng đã được HĐQT phê duyệt.
- c. Nguyên tắc thực hiện:
 - (i) Các giao dịch phải đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thị trường, khách quan, minh bạch và không gây thiệt hại cho lợi ích của Công ty và các cổ đông khác.
 - (ii) HĐQT có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện các giao dịch này tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên gần nhất.

2. Kết quả biểu quyết:

- a. Số phiếu tham gia biểu quyết: [Số phiếu], tương đương [.....]% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại cuộc họp
- b. Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu kín
- c. Số phiếu hợp lệ: [Số phiếu], tương đương [.....]% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại cuộc họp
- d. Số phiếu không hợp lệ: [Số phiếu], tương đương [.....]% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại cuộc họp
- e. Số phiếu tán thành: [Số phiếu], tương đương [.....]% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại cuộc họp
- f. Số phiếu không tán thành: [Số phiếu], tương đương [.....]% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại cuộc họp

018933
 NG TY
 PHÂN
 G ĐÀ 10
 HỒ HÀ

g. Số phiếu không có ý kiến: [Số phiếu], tương đương [.....]% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại cuộc họp

[Ghi chú: Cổ đông là Tổng Công ty Sông Đà-CTCP không có quyền tham gia biểu quyết nội dung trên theo quy định tại Khoản 4 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020.]

Điều 167. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan

1. **Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị** chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan sau đây:

a) **Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;**

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật này.

2. **Hội đồng quản trị** chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị **nhỏ hơn 35%** tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc **một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn** theo quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. **Đại hội đồng cổ đông** chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, **cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết**; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật này, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh và Điều lệ công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Sông Đà 10

Căn cứ Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Sông Đà 10;

Căn cứ tờ trình số 262/SĐ10-TGD ngày 31/3/2026 của TGD Công ty CP Sông Đà 10

Để phù hợp với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng chính phủ, đồng thời đáp ứng năng lực, nhu cầu SXKD của Công ty CP Sông Đà 10, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty và Điều lệ Công ty như sau:

I. Sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh

1. Bỏ các ngành, nghề kinh doanh sau

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú
1	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312	
2	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530	
3	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng như cát, sỏi;	4663	
4	Sản xuất điện Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện thương phẩm;	3511	
5	Sửa chữa thiết bị điện	3314	
6	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện thương phẩm;	3512	
7	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn quặng kim loại - Bán buôn sắt, thép	4662	
8	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020	

** Các ngành nghề này được thay thế bằng các ngành nghề khác theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TT của Thủ tướng Chính phủ. Các nội dung kinh doanh đó sẽ được đưa vào một trong các ngành bổ sung dưới đây.*

2. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành
1	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0729
2	Khai thác quặng kim loại quý hiếm (Trừ loại Nhà nước cấm)	0730

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành
3	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
5	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
6	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
7	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
8	Cắt, tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
9	Sản xuất sản phẩm từ khoáng chất phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
10	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
11	Sửa chữa, bảo dưỡng các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
12	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị	3312
13	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện tử và quang học	3313
14	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện	3314
15	Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
16	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khác	3319
17	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo	3512
18	Truyền tải và phân phối điện (Loại trừ hoạt động truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia)	3513
19	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
20	Xây dựng công trình công ích khác	4229
21	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
22	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
23	Phá dỡ	4311
24	Lắp đặt hệ thống điện	4321
25	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	4322
26	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
27	Hoạt động dịch vụ trung gian cho xây dựng chuyên dụng	4340
28	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
29	Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4662
30	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng miếng, vàng nguyên liệu, hoạt động đầu giá)	4672
31	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4673

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành
32	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4752
33	Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4782
34	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Vận tải hành khách bằng moto, xe máy và xe có động cơ khác	4931 (Điều 6 Nghị định 158/2024/NĐ-CP)
35	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
36	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ hoạt động hàng không)	5229
37	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
38	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Cho thuê lại lao động	7821 (Điều 21 Nghị định 145/2020/NĐ-CP)
39	Cung ứng nguồn nhân lực khác. Chi tiết: - Dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng - Cung ứng nguồn nhân lực khác trong nước	7822 (Điều 2, 3 N.định 112/2021/NĐ-CP)
40	Dịch vụ bảo đảm an toàn khác	8019

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1	Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730	
2	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	4932 (Điều 4, 7 Nghị định 158/2024/NĐ-CP)	
4	Khai thác quặng sắt	0710	
5	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511	
6	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ Kinh doanh trang thiết bị y tế, đầu giá hàng hóa)	4659	

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
7	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299	
8	Xây dựng công trình đường sắt	4211	
9	Xây dựng công trình đường bộ	4212	X
10	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394	
11	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829	
12	Cho thuê xe có động cơ	7710	

* Bỏ các nội dung chi tiết để bao gồm toàn bộ các nội dung kinh doanh trong ngành nghề đã đăng ký. Bỏ chi tiết “vận tải hành khách bằng xe taxi” của mã ngành 4932 vì nội dung này thuộc mã ngành 4931.

Sau khi sửa đổi, bổ sung các ngành nghề kinh doanh của Công ty sẽ như danh mục chi tiết kèm theo.

II. Sửa đổi điều lệ Công ty

1. Sửa đổi Khoản 1 Điều 4 quy định về “Ngành, nghề kinh doanh của Công ty” theo nội dung sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh nêu trên.

2. Sửa đổi Khoản 3 Điều 2 với nội dung là cập nhật lại “Địa chỉ trụ sở chính” Công ty do thay đổi địa giới hành chính.

3. Sửa đổi Điểm h Khoản 1 Điều 1 quy định về “Giải thích thuật ngữ”:

Quy định hiện tại: “h) Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;”

Sửa đổi thành: “h) Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng”.

Lý do sửa đổi: để phù hợp với thực tế quản lý của Công ty.

Kính đề nghị ĐHĐCĐ quan tâm xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

TRẦN TUẤN LINH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY SAU KHI SỬA ĐỔI BỔ SUNG

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ngành, nghề KD chính	Ghi chú
1.	Khai thác quặng sắt	0710		*
2.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0729		
3.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm (Trừ loại Nhà nước cấm)	0730		
4.	Khai thác đá, cát sỏi, đất sét	0810		*
5.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899		
6.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990		
7.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391		
8.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392		
9.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394		*
10.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395		
11.	Cắt, tạo dáng và hoàn thiện đá	2396		
12.	Sản xuất sản phẩm từ khoáng chất phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399		
13.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511		*
14.	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại	2592		*
15.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824		
16.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829		*
17.	Sửa chữa, bảo dưỡng các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311		
18.	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị	3312		*
19.	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện tử và quang học	3313		
20.	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện	3314		*
21.	Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315		
22.	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khác	3319		*
23.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320		*
24.	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo	3512		*
25.	Truyền tải và phân phối điện (Loại trừ hoạt	3513		*

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ngành, nghề KD chính	Ghi chú
	động truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia)			
26.	Xây dựng nhà để ở	4101		*
27.	Xây dựng nhà không để ở	4102		*
28.	Xây dựng công trình đường sắt	4211		*
29.	Xây dựng công trình đường bộ	4212	X	*
30.	Xây dựng công trình điện	4221		*
31.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222		*
32.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223		
33.	Xây dựng công trình công ích khác	4229		
34.	Xây dựng công trình thủy	4291		*
35.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292		
36.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293		
37.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, điện, thủy lợi, tổ hợp các công trình ngầm.	4299		*
38.	Phá dỡ	4311		
39.	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: - Làm sạch mặt bằng xây dựng; - Vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn; - Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý.	4312		*
40.	Lắp đặt hệ thống điện	4321		
41.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	4322		
42.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329		*
43.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330		
44.	Hoạt động dịch vụ trung gian cho xây dựng chuyên dụng	4340		
45.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390		

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ngành, nghề KD chính	Ghi chú
46.	Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng khác (Trừ kinh doanh trang thiết bị y tế, đầu giá hàng hóa)	4659		*
47.	Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4662		
48.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn quặng kim loại - Bán buôn sắt, thép (Trừ bán buôn vàng miếng, vàng nguyên liệu, hoạt động đầu giá)	4672		
49.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4673		*
50.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4752		
51.	Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4782		
52.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Vận tải hành khách bằng moto, xe máy và xe có động cơ khác	4931 (Điều 6 Nghị định 158/2024/ NĐ-CP)		
53.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	4932 (Điều 4, 7 Nghị định 158/2024/ NĐ-CP)		*
54.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;	4933		*
55.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210		*
56.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224		
57.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ hoạt động hàng không)	5229		

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ngành, nghề KD chính	Ghi chú
58.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông	7110		
59.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120		*
60.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: - Cho thuê ô tô - Cho thuê xe có động cơ khác	7710		
61.	Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730		*
62.	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Cho thuê lại lao động	7821 (Điều 21 Nghị định 145/2020/N Đ-CP)		*
63.	Cung ứng nguồn nhân lực khác Chi tiết: - Dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng - Cung ứng nguồn nhân lực khác trong nước	7822 (Điều 2, 3 Nghị định số 112/2021/N Đ-CP)		
64.	Dịch vụ bảo đảm an toàn khác	8019		*

(*) Các ngành nghề được chuyển sang từ các ngành nghề đã có trong đăng ký
kinh doanh hiện tại.

C.T.C.P.

Số: 10 /TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc bầu thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2026-2031

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Hiện nay nhiệm kỳ 2021-2025 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã hết, cần phải bầu lại nhiệm kỳ mới 2026-2031. Trên cơ sở tổng hợp ứng viên được các cổ đông đề cử, Hội đồng quản trị kính đề nghị các cổ đông bầu các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

1. Bầu thành viên Hội đồng quản trị
- a) Số lượng thành viên cần bầu: 05 người.
- b) Danh sách ứng viên

TT	Họ và tên	Cổ đông đề cử	Nơi công tác
1			
2			
3			
4			
5			
...			

Thông tin chi tiết về các ứng viên như trong bản cam kết của ứng viên kèm theo (*).

2. Bầu thành viên Ban kiểm soát
- a) Số lượng thành viên cần bầu: 03 người.



b) Danh sách ứng viên:

TT	Họ và tên	Cổ đông đề cử	Nơi công tác
1			
2			
3			
...			

Thông tin chi tiết về các ứng viên như trong bản cam kết của ứng viên kèm theo (*).

(*) Ghi chú: Danh sách ứng viên sẽ được hoàn thiện và công bố thông tin theo quy định sau khi Công ty CP Sông Đà 10 nhận được “Hồ sơ ứng cử, đề cử” hợp lệ của các cổ đông theo quy định tại “Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2026-2031 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026” của Công ty CP Sông Đà 10.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu VT.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TRẦN TUẤN LINH





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CAM KẾT CỦA ỨNG VIÊN

THÀNH VIÊN HĐQT/BKS CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 10

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Sông Đà 10

Tôi là:

- Giới tính:
- Sinh ngày:
- Hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện nay:
- Trình độ chuyên môn:
- Nơi công tác, chức vụ:
- Số lượng cổ phần (SDT) sở hữu:
- Số lượng cổ phần (SDT) đại diện sở hữu:cổ phần, đại diện cho
- Tóm tắt quá trình công tác:

.....
.....
.....

- Tên các công ty đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và chức danh quản lý khác:

.....
.....

- Các lợi ích liên quan tới công ty:.....

Tôi được đề cử để bầu làm thành viên HĐQT/BKS nhiệm kỳ 2026-2031 của Công ty CP Sông Đà 10 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026. Tôi xin cam đoan về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân ở trên. Nếu trúng cử tôi xin cam kết thực hiện tốt nhiệm vụ được giao./.

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

ỨNG VIÊN - NGƯỜI CAM KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên)

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT
Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 10

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Sông Đà 10;

Căn cứ vào Biên bản họp số/BB-ĐHĐCĐ ngày /6/2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2026

1. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu

TT	Các chỉ tiêu chính	Kế hoạch năm 2026	
		Tổ hợp	Công ty mẹ
I	Tổng giá trị SXKD	1.055.408	822.500
1	Giá trị xây lắp	997.672	822.500
2	Giá trị kinh doanh điện	57.736	0
II	Kế hoạch tài chính		
1	Doanh thu	970.183	794.750
2	Nộp nhà nước	50.304	22.829
3	Lợi nhuận trước thuế	74.324	16.035
4	Lợi nhuận sau thuế	68.720	12.805
5	Tỷ suất		
-	Lợi nhuận cận biên (LN/DT)	7,66%	2,02%
III	Kế hoạch đầu tư	31.180	31.180

2. Các nhiệm vụ trọng tâm

a) Đẩy mạnh công tác tiếp thị đấu thầu đảm bảo tìm kiếm đủ việc làm theo kế hoạch năm 2026 và phân việc gởi đầu cho các năm tiếp theo.

b) Xây dựng các biện pháp cụ thể, tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế của kế hoạch SXKD năm 2026

c) Tổ chức thi công các công trình đảm bảo an toàn, đúng tiến độ, chất lượng công trình theo hợp đồng đã ký.

d) Đảm bảo và nâng cao thu nhập cho CBCNV cũng như các chế độ BHXH, BHYT và các chế độ khác cho người lao động.

e) Thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.



f) Thường xuyên rà soát các quy chế, quy định để sửa đổi bổ sung kịp thời cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

g) Chỉ đạo Công ty CP Thủy điện Nậm He tổ chức vận hành nhà máy thủy điện Nậm He đúng quy trình, quy định, đảm bảo an toàn cho thiết bị, con người và công trình xây dựng. Tối ưu hóa quá trình vận hành máy móc thiết bị, đồng thời tìm mọi giải pháp để gia tăng sản lượng điện phát ra, đặc biệt là phát điện vào giờ cao điểm nhằm đạt giá trị sản lượng cao nhất, phân đấu hoàn thành kế hoạch đề ra.

h) Tiếp tục củng cố xây dựng đội ngũ làm công tác đấu thầu đủ mạnh để tham gia tiếp thị, đấu thầu các công trình thuộc thế mạnh của đơn vị, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng hai con số qua mỗi năm; Phối hợp chặt chẽ với Tổng công ty để tham gia tiếp thị, đấu thầu các công trình theo chiến lược tiếp thị, đấu thầu của Tổng công ty.

i) Chủ động nghiên cứu công nghệ thi công tại công trình đường sắt tốc độ cao, nhà máy điện hạt nhân, ... để có kế hoạch chuẩn bị về xe máy, thiết bị, nhân lực;

j) Tập trung thu vốn, thu hồi công nợ tại các công trình để giảm giá trị khối lượng dở dang và công nợ.

k) Tích cực bám sát, chỉ đạo công tác thanh/quyết toán tại các công trình đã thi công xong như: thủy điện XKM3, thủy điện Trạm Tấu; hầm Đèo Cả, thủy điện Namemoun, thủy điện NamPhak, hầm Sơn Triệu, hầm EA Trang, thủy điện Đăk Mít...;

l) Tập trung nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội đầu tư dự án. Đối với đầu tư thiết bị thi công nâng cao năng lực cần phải lập dự án và tổ chức thực hiện theo đúng quy định của nhà nước, điều lệ công ty và Tổng công ty.

m) Thực hiện tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất và quản lý trên cơ sở: định biên nhân sự, sắp xếp lại tổ chức để đảm bảo SXKD có hiệu quả.

n) Đầu tư xe máy, thiết bị thi công theo dự án được phê duyệt.

o) Không để phát sinh nợ quá hạn, nợ xấu. Duy trì và phát triển quan hệ với các tổ chức tín dụng để đảm bảo vốn cho hoạt động SXKD của Công ty với chi phí thấp nhất.

(tỷ lệ tán thành:% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

Điều 2. Báo cáo tài chính năm 2025

Thông qua Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY và kết quả soát xét của Ban kiểm soát tại Báo cáo của Ban kiểm soát số 02/SĐ10-BKS ngày 03/04/2026 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 10 chịu trách nhiệm trước pháp luật và các cổ đông về lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính năm 2025 theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chế độ pháp lý có liên quan.

(tỷ lệ tán thành:% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị.

1. Thông qua Báo cáo quản trị năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026 của Hội đồng quản trị công ty như Báo cáo số 05/BC-HĐQT ngày 02/04/2026.

(tỷ lệ tán thành:% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

2. Thông qua Báo cáo hoạt động nhiệm kỳ 2021-2026 và phương hướng, nhiệm vụ

0018
ÔNG
ÔNG PH
VÀ ĐÀ
PHỔ T

nhiệm kỳ 2026-2031 của Hội đồng quản trị công ty như Báo cáo số 11/BC-HĐQT ngày 02/04/2026.

(tỷ lệ tán thành:% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

Điều 4. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát

Thông qua Báo cáo số 02/SĐ10-BKS ngày 03/04/2026 của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

(tỷ lệ tán thành:% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

Điều 5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như đề nghị của HĐQT công ty tại tờ trình số 06/TT-HĐQT ngày 02/04/2026

(tỷ lệ tán thành:% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

Điều 6. Thông qua Quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch thù lao năm 2026

Thông qua quyết toán thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch thù lao năm 2026 như đề nghị của HĐQT công ty tại tờ trình số 07/TT-HĐQT ngày 02/04/2026.

(tỷ lệ tán thành:% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

Điều 7. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2026

Thông qua việc ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một trong số các công ty sau thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 (tại thời điểm kiểm toán phải đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật):

1. Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY.
2. Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C.
3. Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam.

(tỷ lệ tán thành:% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

Điều 8. Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT phê duyệt các hợp đồng/giao dịch giữa Công ty CP Sông Đà 10 với người có liên quan thuộc thẩm quyền chấp thuận của ĐHĐCĐ với nội dung như sau:

1. Xem xét, thẩm định và phê duyệt các điều khoản, điều kiện cụ thể của từng hợp đồng, giao dịch được quy định tại khoản 3 Điều 176 Luật doanh nghiệp (bao gồm cả các hợp đồng có giá trị $\geq 35\%$ tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trên báo cáo tài chính gần nhất) phát sinh với TCT Sông Đà và những người liên quan của TCT Sông Đà.

2. Quyết định việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc chấm dứt các hợp đồng, giao dịch nêu trên.

3. Cử người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện ký kết và triển khai các hợp đồng đã được HĐQT phê duyệt.

Nguyên tắc thực hiện:

- Các giao dịch phải đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thị trường, khách quan, minh bạch và không gây thiệt hại cho lợi ích của Công ty và các cổ đông khác.

- HĐQT có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện các giao dịch này tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên gần nhất.

(tỷ lệ tán thành:% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

Điều 9. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh và Điều lệ công ty như đề nghị của HĐQT Công ty tại tờ trình số 09/TT-HĐQT ngày 02/04/2026;

(tỷ lệ tán thành:% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

Điều 10. Thông qua bầu thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2026-2031 như sau:

1. Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026-2031 gồm:

- Ông
- Ông
- Ông/bà
- Ông/bà
- Ông/bà

2. Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031 gồm:


- Ông/Bà
- Ông/Bà
- Ông/Bà

(tỷ lệ tán thành:% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

Điều 11. Điều khoản thi hành

Các ông, bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, các phòng chức năng Công ty, các công ty con và đơn vị trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 11;
- Người CBTT (để công bố);
- Lưu VT, Thư ký. 

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỌA – CHỦ TỊCH HĐQT**



TRẦN TUẤN LINH





CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 10 (MÃ CK: SDT)
SÔNG ĐÀ NO. 10 JOINT STOCKS COMPANY



SÔNG ĐÀ 10

THẺ BIỂU QUYẾT

TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026
Số: 01/TBQ

MÃ SỐ BQ:

Họ và tên Cổ đông/đại diện cổ đông:.....

.....

Số CP sở hữu:.....;

Số CP được ủy quyền:.....;

Tổng số CP có quyền biểu quyết.....;

Hà Nội, ngày....tháng...năm 2026
CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN CỔ CÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên)



PHIẾU BIỂU QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Họ tên cổ đông:Mã cổ đông:

Họ tên đại diện cổ đông:

Số phiếu biểu quyết (bằng số cổ phần sở hữu):

Ý kiến biểu quyết (*tích dấu "X" vào ô trống bên phải ý kiến*):

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2026

Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến ☐

2. Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán

Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến ☐

3. Báo cáo của Hội đồng quản trị

3.1 Báo cáo quản trị năm 2025 và kế hoạch 2026

Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến ☐

3.2 Báo cáo quản trị nhiệm kỳ 2021-2025 và định hướng nhiệm kỳ 2026-2031

Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến ☐

4. Báo cáo của Ban kiểm soát

Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến ☐

5. Phương án phân phối lợi nhuận 2025

Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến ☐

6. Quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch thù lao năm 2026

Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến ☐

7. Lựa chọn đơn vị kiểm toán 2026

Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến ☐

8. Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT phê duyệt các hợp đồng giữa C.ty CP Sông Đà 10 với người có liên quan thuộc thẩm quyền chấp thuận của ĐHĐCĐ

Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến ☐

9. Thông qua sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh và Điều lệ Công ty

Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến ☐

CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG

(ký, ghi rõ họ tên)



**CÔNG TY CỔ
PHẦN SÔNG ĐÀ 10**

Số: 03/PBQ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

PHIẾU BẦU
Bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2026 - 2031

Họ tên cổ đông :MCD:.....

Họ tên đại diện :

Số lượng cổ phần sở hữu/đại diện:..... cổ phần.

Số phiếu bầu: (bằng số cổ phần sở hữu/đại diện x 5).

TT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu
1	
2	
3	
4	
5	

Đại biểu có quyền dồn hết hoặc một phần trong tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.

CỔ ĐÔNG (ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG)
(Ký và ghi rõ họ tên)



**CÔNG TY CỔ
PHẦN SÔNG ĐÀ 10**

Số: 04/PBQ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

PHIẾU BẦU
Bầu thành viên BKS nhiệm kỳ 2026 - 2031

Họ tên cổ đông :MCD:.....

Họ tên đại diện :

Số lượng cổ phần sở hữu/đại diện:..... cổ phần.

Số phiếu bầu: (bằng số cổ phần sở hữu/đại diện x 3).

TT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu
1	
2	
3	

Đại biểu có quyền dồn hết hoặc một phần trong tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.

CỔ ĐÔNG (ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG)
(Ký và ghi rõ họ tên)